



EVN HPC THÁC BÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2016

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2016 thực sự là một thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam bởi những vấn đề nội tại còn ngổn ngang trong khi diễn biến quốc tế xảy ra bất thường, khó đoán; Theo như ủy ban tài chính giám sát quốc gia, bất chấp khó khăn và thách thức, Việt Nam tiếp tục đảm bảo và duy trì cân đối vĩ mô, lạm phát cơ bản chỉ ở mức 1.8%, lạm phát chung chỉ ở mức 4%. Tăng trưởng kinh tế năm 2016 đã được hỗ trợ tích cực từ hệ thống tài chính, với tổng nguồn vốn cung ứng cho nền kinh tế tăng 15.7% so với năm 2015 tương đương 170% GDP.

Theo Văn phòng Thống kê Trung ương, trong năm 2016 tăng trưởng kinh tế Việt Nam cả năm đạt 6.2%, giảm 0.5% so với năm 2015. Đây là lần đầu tiên trong 4 năm, Việt Nam ghi nhận sự sụt giảm kinh tế; tuy vậy, vẫn có những điểm sáng trong năm 2016.

Với kết quả ước tính năm 2016, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam dự kiến đạt 349.2 tỷ USD, tăng 6.6% so với năm 2015. Trong đó tổng kim ngạch xuất khẩu 12 tháng của năm 2016 ước đạt 175.94 tỷ USD, tăng 8.6%, và tổng kim ngạch nhập

khẩu ước đạt 173.26 tỷ USD, tăng 4.6%. Tính chung cả năm 2016, Việt Nam dự kiến xuất siêu 2.68 tỷ USD, ngược lại với xu hướng nhập siêu lên tới 3.55 tỷ USD của năm 2015.

Môi trường đầu tư của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể trong năm nay. Theo Báo cáo môi trường kinh doanh năm 2016 do Ngân hàng Thế giới thực hiện cho thấy, xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam 2016 tăng tới 9 bậc, xếp thứ 82/189 quốc gia được xếp hạng. Trong đó, Chỉ số bảo vệ nhà đầu tư thiếu số tăng tới 31 bậc; Chỉ số nộp thuế của Việt Nam đã tăng 5 bậc, từ vị trí 173/189 lên vị trí 168/189.

Đối mặt với nhiều khó khăn và biến động khó lường của nền kinh tế trong năm 2016, toàn thể ban điều hành Công ty đã có những kế hoạch kịp thời và linh động để cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2016, chỉ số doanh thu và lợi nhuận không có được sự tăng trưởng so với năm 2015, cụ thể doanh thu 2016 giảm 2.68% và lợi nhuận sau thuế giảm 4.44% so với năm 2015. Nguyên nhân của việc doanh thu không đạt kế hoạch là do tình hình thủy

văn 2016 không thuận lợi, cụ thể lưu lượng nước về trung bình năm chỉ đạt được 80.9% so với trung bình nhiều năm. Hơn thế nữa, theo yêu cầu xả nước để phục vụ tưới tiêu trong các tháng đầu năm, công ty đã phải khai thác nước nhiều nên mức nước hồ giảm rất thấp ảnh hưởng đến chiến lược chào giá thị trường điện trong mùa khô. Từ tháng 10/2016, công ty phải ra khỏi thị trường điện. Tuy nhiên, ngay từ đầu năm, ban lãnh đạo đã có chiến lược, kế hoạch phát điện và khai thác nguồn nước hợp lý cho cả năm nên số lợi nhuận sau thuế vượt 5.81% so với kế hoạch đề ra.

Tình hình kinh tế Việt Nam gần đây đang có dấu hiệu chững lại tuy nhiên đã có những dấu hiệu của phát triển bền vững, bằng chứng là các chỉ số GDP không có biến động và chỉ số lạm phát đang giảm dần kể từ năm 2011 đến nay. Những biến động vĩ mô có tác động rất mạnh đến việc tiêu dùng điện năng của người dân cũng như các doanh nghiệp. Tuy nhiên, sự dao động về mức tiêu dùng điện

năng hiện nay là chưa đáng kể, do nhu cầu sử dụng điện vẫn ở mức cao, cung chưa đáp ứng đủ cầu và ngành điện vẫn được chính phủ khuyến khích đầu tư trong tương lai.

Năm 2017 hứa hẹn sẽ lại là một năm đầy khó khăn và thách thức với Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà. Tuy nhiên, với ban điều hành nhiều kinh nghiệm và có tâm với Công ty, tôi tin rằng công ty sẽ tiếp tục phát triển đúng hướng.

Cuối cùng, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc và những lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý cổ đông, các đối tác và Quý khách hàng của Công ty. Tôi cũng chân thành cảm ơn tất cả cán bộ nhân viên Công ty vì sự nỗ lực hết mình trong những năm qua. Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà đã, đang và sẽ luôn luôn phấn đấu ngày càng lớn mạnh để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị dành cho chúng tôi.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Thắng

Mục Lục

TỔNG QUAN CÔNG TY	6
Thông tin chung	6
Quá trình hình thành phát triển	7
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	8
Cơ cấu bộ máy quản lý	9
Mô hình quản trị	10
Định hướng phát triển	11
Các rủi ro	12
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	14
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	14
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án	16
Danh sách ban lãnh đạo	17
Nguồn nhân lực	24
Tình hình tài chính	26
Thông tin cổ phiếu, cơ cấu cổ đông	28
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	30
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	30
Tình hình tài chính	32
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	34
Kế hoạch phát triển trong tương lai	35
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của công ty	36
Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về ban Giám Đốc công ty	37
Kế hoạch định hướng của Hội Đồng Quản Trị	37
QUẢN TRỊ CÔNG TY	38
Hội Đồng Quản Trị	38
Ban Kiểm Soát	40
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc và Ban Kiểm Soát	41
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	42
Thông tin về báo cáo phát triển bền vững	43
Tiêu thụ Năng Lượng và Nước	44
Chính sách với người lao động	46
Chính sách an sinh xã hội	52
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	54
Thông tin chung	58
Báo cáo của ban Tổng Giám Đốc	59
Báo cáo kiểm toán độc lập	60
Bảng cân đối kế toán	62
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	64
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	65
Thuyết minh báo cáo tài chính	67

TỔNG QUAN CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà.
 Tên giao dịch tiếng Anh: Thac Ba Hydropower Jointstock Company
 Tên viết tắt tiếng Anh: TBHPC

Logo:



Giấy đăng ký kinh doanh: số 5200240495 do Sở KH&ĐT Tỉnh Yên Bái cấp, đăng ký lần đầu ngày 31/3/2006, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11/5/2015.

Vốn điều lệ: 635.000.000.000 đồng
 Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 635.000.000.000 đồng

Địa chỉ: Khu 8 thị trấn Thác Bà, Yên Bình, Yên Bái.
 Số điện thoại: 0216 3884 116
 Số Fax: 0216 3884 167
 Website: <http://thacba.com.vn>
 Mã cổ phiếu: TBC



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH - PHÁT TRIỂN

Thủy điện Thác Bà là nhà máy thủy điện đầu tiên của miền bắc Việt Nam. Công tác khảo sát thiết kế xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Bà được tiến hành từ năm 1959 đến năm 1961. Sau hơn 10 năm xây dựng, ngày 5 tháng 10 năm 1971, Nhà máy đã khởi động tổ máy số 1 và hoà lưới điện quốc gia.

10/08/1971	Theo Quyết định số 244 ĐT-NCQLKT-1 của Bộ trưởng Bộ Điện và Than, nhà máy thủy điện Thác Bà là đơn vị được thành lập trực thuộc Công ty Điện lực
5/10/1971	Nhà máy đã khởi động tổ máy số 1 và hoà lưới điện quốc gia.
30/06/1993	Theo Quyết định số 478 NL/TCCB-LĐ của Bộ Trưởng Bộ năng lượng, Nhà máy thủy điện Thác Bà chuyển thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực I
04/03/1995	Theo Quyết định số 100/NL/TCCB-LĐ của Bộ trưởng bộ Năng lượng, công ty Thủy điện Thác Bà được chuyển về Tổng Công ty Điện lực Việt Nam
30/03/2005	Theo Quyết định số 3497/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp, phê duyệt phương án cổ phần hoá, chuyển đổi Công ty Thủy điện Thác Bà thành Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà.
24/10/2005	Theo Quyết định số 3497/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp, Công ty Thủy điện Thác Bà được phê duyệt và chuyển thành Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà.
31/03/2006	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà chính thức đi vào hoạt động theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp
29/08/2006	Cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà (mã chứng khoán TBC) được chính thức niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.
19/10/2009	Cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
14/07/2010	Công ty đã thành lập chi nhánh – Trung tâm dịch vụ kỹ thuật với nhiệm vụ sửa chữa thiết bị, công trình của Nhà máy thủy điện Thác Bà và thực hiện các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật với khách hàng.

Hiện nay, Công ty vẫn duy trì tốt hoạt động sản xuất điện và mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật, bao gồm: Đào tạo, vận hành, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, lắp đặt... cho các nhà máy thủy điện.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ họp mỗi năm ít nhất 1 lần nhằm quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty Quy định.

Hội đồng quản trị: HĐQT do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông chỉ đạo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số thành viên của HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát: Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên.

Tổng Giám đốc điều hành: Do HĐQT bổ nhiệm có nhiệm vụ điều hành việc sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua, chịu sự chỉ đạo, giám sát của Chủ tịch HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

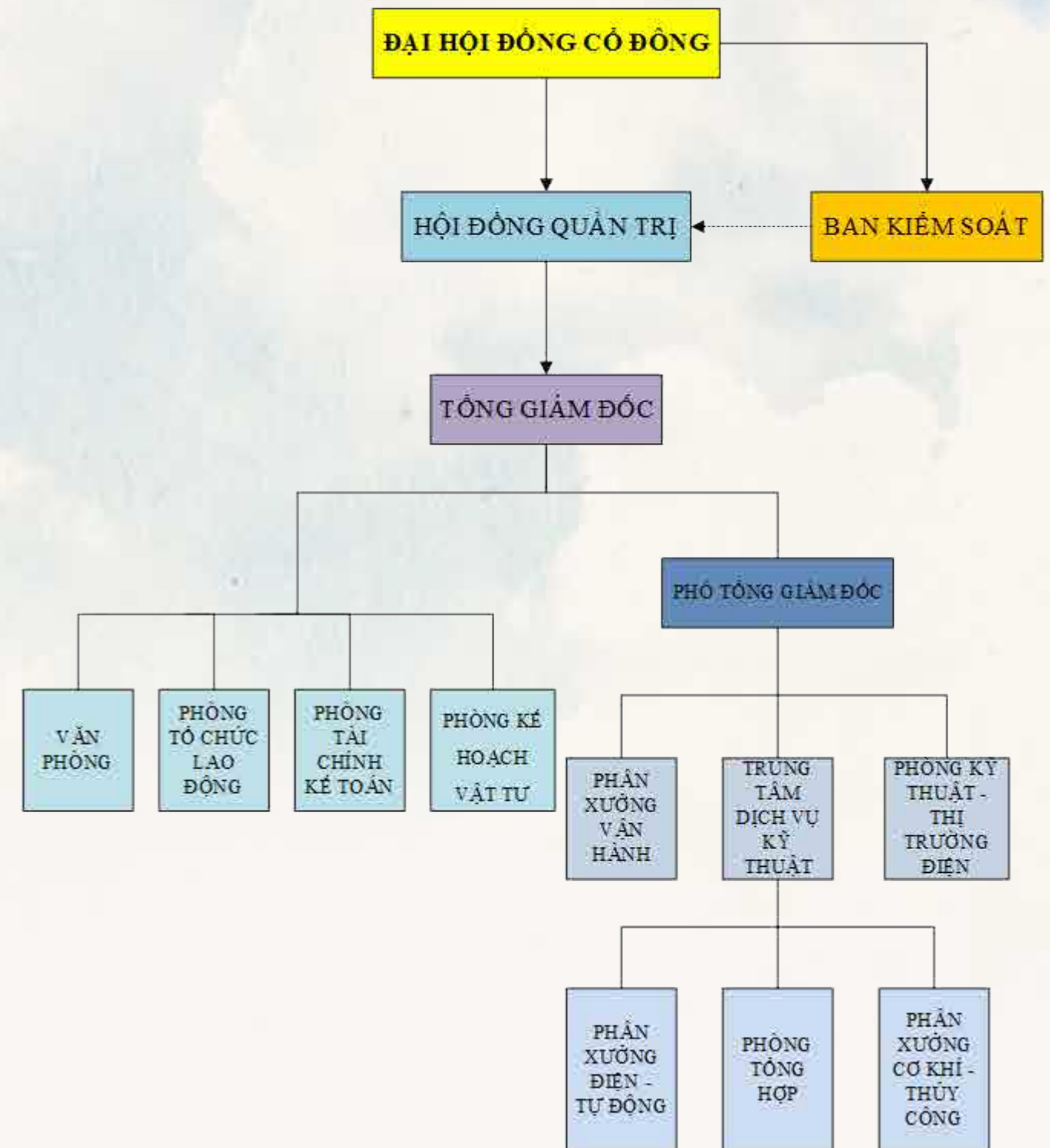
Phó Tổng Giám đốc: Do HĐQT bổ nhiệm, giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Công ty hiện có 01 Phó Tổng Giám đốc.

Các phòng chức năng

- Văn Phòng: Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty quản lý các mặt công tác tổng hợp, văn thư lưu trữ, quản lý điều động phương tiện vận chuyển phục vụ công tác, thi đua tuyên truyền và hành chính quản trị.
- Phòng Tổ chức lao động: Tham mưu cho lãnh đạo Công ty tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh, tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; Công tác lao động tiền lương, chế độ BHXH, BHYT, Bảo hộ lao động; Công tác Bảo vệ - Thanh tra - Pháp chế.
- Phòng Kỹ thuật - Thị trường điện: Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý kỹ thuật, phương thức vận hành và thị trường điện, điều hành sản xuất; công tác kỹ thuật an toàn bảo hộ lao động, phòng chống lụt bão.
- Phòng Kế hoạch - Vật tư: Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác kế hoạch, thống kê, tổng hợp, công tác dự toán đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn các công trình, thiết bị của Công ty. Trực tiếp quản lý và cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Phòng Tài chính Kế toán: Tham mưu cho lãnh đạo Công ty công tác quản lý tài chính, nguồn vốn và hạch toán kế toán theo quy định Pháp luật.
- Phân xưởng Vận hành: Là đơn vị có chức năng trực tiếp quản lý, vận hành dây chuyền sản xuất điện theo quy trình, quy phạm, kế hoạch và phương thức huy động của điều độ các cấp. Quản lý thiết bị, tài sản theo quy định được phân giao.
- Trung tâm dịch vụ kỹ thuật: Là chi nhánh của Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà, là đơn vị trực tiếp sản xuất, có chức năng thực hiện các hoạt động sửa chữa, quản lý các công trình, thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật bao gồm: Đào tạo, vận hành, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh hiệu chỉnh, lắp đặt... cho các nhà máy thủy điện.

Công ty hiện tại không có công ty con và công ty liên kết.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất, kinh doanh điện năng.
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp.
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện.
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị.
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện.
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện.
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.
- Kinh doanh dịch vụ du lịch.

Địa bàn kinh doanh: Trong nước



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Xây dựng và phát triển công ty ngày càng vững mạnh, đa dạng ngành nghề, lấy lĩnh vực thủy điện là trọng tâm, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tạo sự phát triển bền vững mang lại doanh thu và lợi nhuận cao.
- Phân đấu trở thành một trong những đơn vị hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ đào tạo, dịch vụ vận hành và dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh nhà máy thủy điện.
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, đổi mới công nghệ, thay thế các máy móc thiết bị cũ bằng các thiết bị tiên tiến hiện đại có hiệu suất và độ tin cậy cao.
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện vừa và nhỏ.
- Tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án nguồn điện.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

2017 - 2020:

- Đảm bảo các tổ máy phát điện Nhà máy Thủy điện Thác Bà vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả, khai thác tối ưu lượng nước hồ Thác Bà.
- Có chiến lược hợp lý, có hiệu quả khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh và thị trường điện bán buôn cạnh tranh.
- Đầu tư thay mới các thiết bị và đại tu các công trình thủy công, hệ thống đập.
- Tăng cường tìm kiếm, nghiên cứu để đầu tư thủy điện vừa và nhỏ.
- Tăng cường công tác tiếp thị và quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường kinh doanh dịch vụ kỹ thuật.

2020 - 2030:

- Duy trì, tận dụng tối đa khả năng phát điện của nhà máy thủy điện Thác Bà.
- Phát triển Trung tâm dịch vụ kỹ thuật trở thành một trong những đơn vị hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ đào tạo, dịch vụ vận hành và dịch vụ sửa chữa nhà máy thủy điện.
- Gia tăng đầu tư lĩnh vực điện.
- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản hàng năm và lợi nhuận để lại, công ty có thể chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư tài chính.
- Phát triển kinh doanh du lịch.



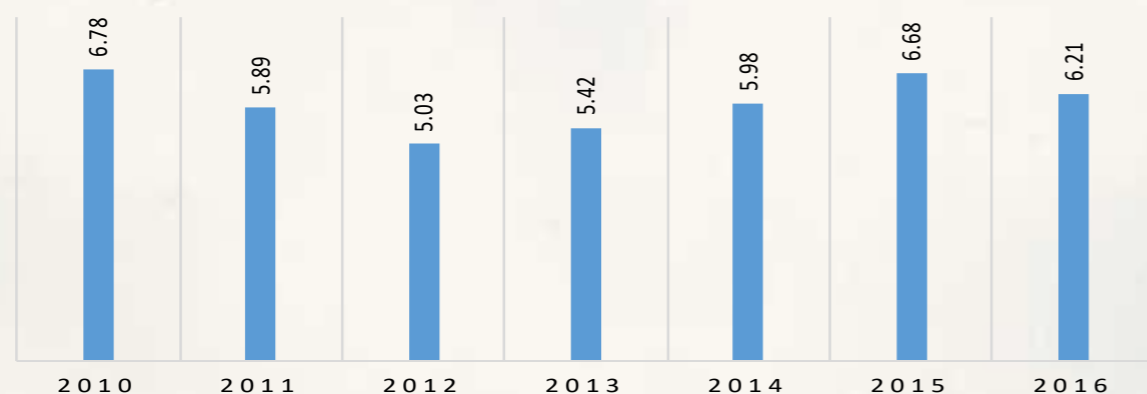
CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ,... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của mọi loại hình doanh nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế:

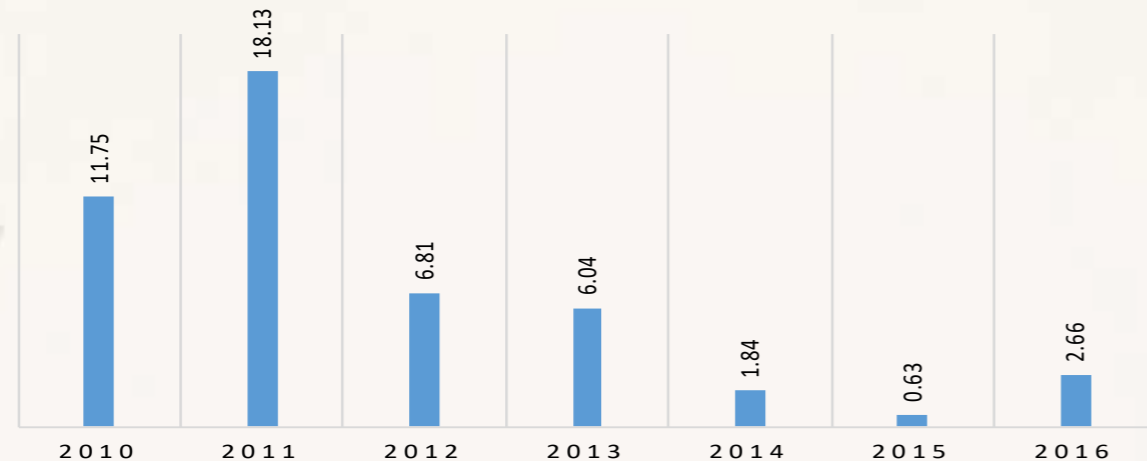
TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG GDP HÀNG NĂM CỦA VIỆT NAM



Theo báo cáo của cục thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 tăng 6.68% so với năm 2014 và đạt cao nhất kể từ năm 2010 đến nay. Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành nghề kinh tế và tất nhiên sẽ có ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu dùng điện năng của người dân và doanh nghiệp. Mặc dù vậy, do nhu cầu sử dụng điện hiện tại vẫn ở mức cao nên sự thay đổi của nền kinh tế vĩ mô không ảnh hưởng nhiều. Hơn thế nữa, hiện tại nguồn cung cấp điện vẫn chưa đủ cho nhu cầu của cả nước và ngành điện vẫn đang được chính phủ khuyến khích đầu tư.

Lạm phát

TỶ LỆ LẠM PHÁT QUA CÁC NĂM



Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến rất phức tạp và dao động với biên độ lớn tạo ra sự bất ổn định về giá cả và gây ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Giai đoạn 2011 đến 2014, chính phủ đã mạnh tay thực hiện các giải pháp để kiềm chế lạm phát và đã đạt được kết quả nhất định. Năm 2015, ấn định mức lạm phát của Việt Nam là 0.63, là mức lạm phát thấp nhất của Việt Nam trong vòng hơn 10 năm trở lại đây. Theo báo cáo của cục thống kê Việt Nam, mức lạm phát của năm 2016 là 2.66, có tăng mạnh so với năm 2014 và 2015.

Mặc dù vậy, theo đánh giá chung thì tỷ giá lạm phát không ảnh hưởng nhiều đến tiêu thụ điện năng và giá bán điện do giá điện bán lẻ tại Việt Nam vẫn do chính phủ Việt Nam quản lý và điều hành.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của xã hội nói chung và ngành điện nói riêng. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của Công ty.

Công ty hiện tại đang chịu rủi ro khi hoạt động dưới sự điều chỉnh và chưa hoàn thiện của pháp luật Việt Nam do có hệ thống chưa nhất quán, chặt chẽ và có sự chòng chéo. Hơn thế nữa, là một công ty đại chúng quy mô lớn và niêm yết trên sàn chứng khoán Hồ Chí Minh, ngoài việc chịu sự tác động của một số loại cơ bản như luật Doanh nghiệp, luật Xây Dựng, luật Đất Đai, ... và liên quan đến ngành Điện Lực; Công ty còn chịu sự chi phối của luật Chứng Khoán. Việt Nam hiện vẫn đang trong diện các nước đang phát triển nên các văn bản luật vẫn còn sẽ phải chỉnh sửa nhiều. Sự thay đổi về chính sách và luật tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro liên quan đến pháp luật liên quan đến cả một hệ thống, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích nghi để phát huy tối đa mặt lợi nhuận.

Điển hình như trong năm 2015, Luật doanh nghiệp mới số 68/2014/QH13 chính thức có hiệu lực từ ngày 01/07/2015 đã có nhiều tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, dẫn đến việc thay đổi trong Quy chế, Điều lệ và các hoạt động quản trị của Công ty..... giảm thiểu các thủ tục hành chính và nâng cao hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCC, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...

RỦI RO VỀ THỜI TIẾT

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà.

Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa. Tình hình cung ứng điện thay đổi theo mùa khô và mùa mưa, tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro về thời tiết vẫn tồn tại trong toàn bộ thời gian hoạt động của Công ty.

Công ty luôn cố gắng theo sát những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án, chiến lược chào giá, vận hành hồ chứa, chế độ phát điện, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1k-Wh là thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đê đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	TH/KH 2016	TH 2016/ TH 2015
Lưu lượng nước về hồ bình quân	m3/s	131.66	169.00	153.70	90.95%	116.74%
Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	341.77	350.00	304.40	86.97%	89.06%
Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	336.71	344.58	299.95	87.05%	89.08%
Tổng doanh thu	Triệu Đồng	273,476.28	273,925.90	266,160.18	97.17%	97.32%
Tổng chi phí	Triệu Đồng	129,158.74	142,991.70	128,455.80	89.83%	99.46%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	115,290.85	104,746.40	110,170.48	105.18%	95.56%

Tình hình thủy văn, hồ chứa

Tình hình thủy văn năm 2016 không thuận lợi:

- Mức nước hồ đầu năm: 54.76m (thấp hơn so với năm 2015: 57.77m)
- Tần xuất nước về 77% => không đạt kế hoạch;
- Tổng lượng nước về hồ chứa: 4.87 tỷ m³, thấp hơn so với trung bình nhiều năm khoảng 1 tỷ m³;
- Lưu lượng nước về trung bình trong năm : 153.7 m³/s bằng 80.9% so với trung bình nhiều năm (190 m³/s).

Theo yêu cầu xả nước để phục vụ tưới tiêu trong các tháng đầu năm, công ty đã phải khai thác nước nhiều nên mức nước hồ giảm rất thấp ảnh hưởng đến chiến lược chào giá thị trường điện trong mùa khô. Từ tháng 10/2016, công ty phải ra khỏi thị trường điện dẫn đến lỗ trong báo cáo quý 4.

Tình hình sản xuất điện

Năm 2016 công tác sản xuất điện đảm bảo yêu cầu kinh tế kỹ thuật, đáp ứng tốt phương thức huy động của hệ thống điện. Năm 2016 tình hình thủy văn không thuận lợi như đã nói bên trên dẫn đến:

- Sản lượng điện sản xuất đạt 304.40 triệu kWh thấp hơn 37.37 triệu kWh so với cùng kỳ năm 2015 (341.77 triệu kWh).
- Sản lượng điện thương phẩm đạt 299.95 triệu kWh thấp hơn 36.76 triệu kWh so với cùng kỳ năm 2015 (336.71 triệu kWh).

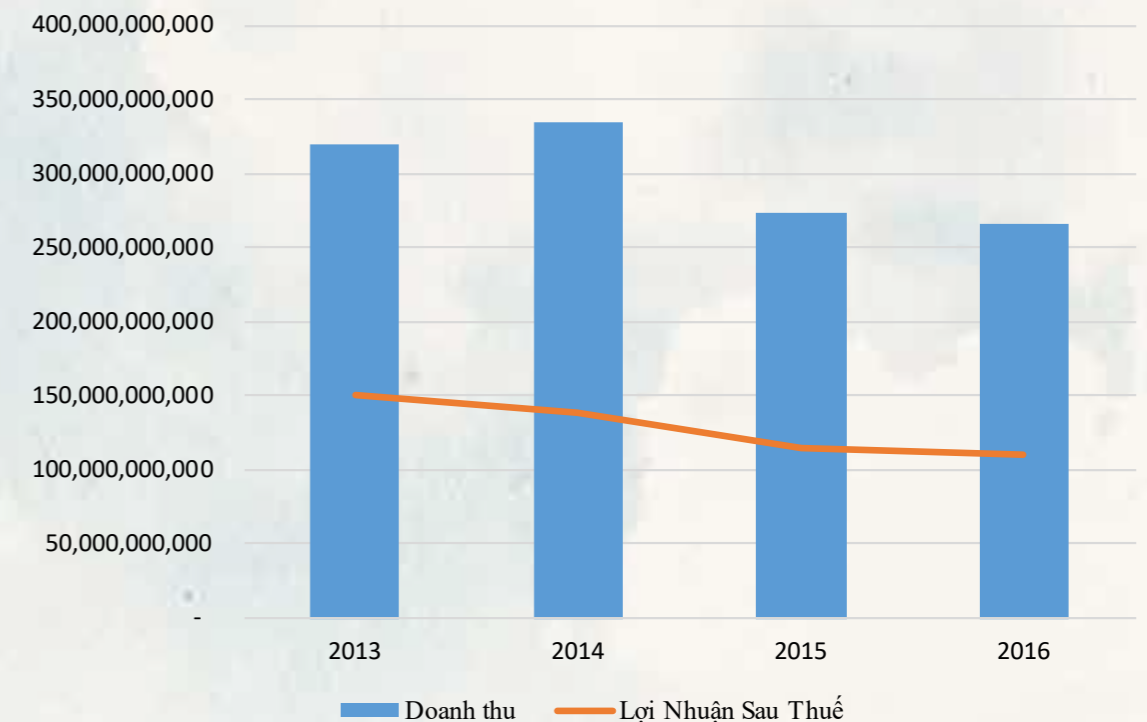
Tình hình sự cố: Trong năm, Công ty không có sự cố lớn nào về thiết bị, không có tai nạn lao động.

Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị:

Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2016 gồm 06 hạng mục thiết bị, công trình với tổng giá trị là 7.33 tỷ đồng. Trong năm bổ sung 01 hạng mục là "Thay mới máy biến điện áp 35kV" với giá trị là 650 triệu đồng. Lý do bổ sung: do sự cố hư hỏng thiết bị máy biến điện áp 35kV.

- Công ty đã thực hiện hoàn thành 03 hạng mục, tổng giá trị thực hiện: 705 triệu đồng.
- 02 hạng mục chuyển sang sửa chữa thường xuyên là: Trùng tu tổ máy phát điện số 3, lý do qua kiểm tra xem xét lại, Công ty quyết định chưa cần thiết phải sửa chữa lớn; Đập đất số 2, lý do qua kiểm tra xem xét lại, Công ty quyết định chưa cần thiết phải sửa chữa lớn.
- 02 hạng mục không thực hiện là: Thay mới máy biến dòng điện 110kV, lý do Dừng thực hiện đến khi Đơn vị quản lý lưới điện 110kV nâng cấp xong các đường dây 171, 173; Thay mới máy biến điện áp 110kV, lý do Dừng thực hiện để xem xét lựa chọn lại thiết bị.

DOANH THU THUẦN VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ (ĐVT: VNĐ)



Tổng doanh thu:

Tổng doanh thu năm đạt 266.16 tỷ đồng, giảm 7.32 tỷ so với cùng kỳ năm 2015 (273.48 tỷ). Trong đó:

- Doanh thu bán điện: đạt 232.52 tỷ đồng giảm 11.05 tỷ so với cùng kỳ năm 2015 (243.58 tỷ) là do tình hình thủy văn của năm 2016 không thuận lợi sản lượng điện sản xuất giảm 37.37 triệu nhưng nhờ hiệu quả của việc tham gia thị trường phát điện cạnh tranh nên doanh thu bán điện với đạt 93% kế hoạch.
- Doanh thu từ hoạt động tài chính: đạt 23.11 tỷ đồng tăng 3.09 tỷ đồng so với năm 2015.
- Doanh thu dịch vụ kỹ thuật: Trong năm 2016 Công ty đã ký kết 16 hợp đồng với giá trị hơn 8.68 tỷ đồng và thực hiện xong nhiều hợp đồng dịch vụ với doanh thu 8.51 tỷ đồng cao hơn 1.01 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2015.

Tổng chi phí

Tổng chi phí năm 2016 là 128.46 tỷ đồng giảm 0.7 tỷ đồng so với năm 2015 chủ yếu do giảm chi phí sửa chữa lớn 3.18 tỷ và chi phí bằng tiền khác giảm 2.05 tỷ tuy nhiên tăng chi phí dịch vụ mua ngoài 2.99 tỷ và chi phí lương và bảo hiểm xã hội tăng 2.68 tỷ.

Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận trước thuế đạt 137.70 tỷ đồng, giảm 6.61 tỷ so với cùng kỳ năm 2015 và lợi nhuận sau thuế đạt 110.17 tỷ đồng, giảm 5.12 tỷ so với cùng kỳ năm 2015.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2016 gồm 6 công trình với tổng giá trị 31,144 tỷ đồng. Tổng giá trị thực hiện năm 2016: 18.66 tỷ đồng.

- Trong năm đã triển khai thực hiện xong 4 công trình (trong đó công trình thay mới Máy biến áp tự dùng TD91, TD92: đã thực hiện lắp đặt, đóng điện và vận hành thiết bị, tuy nhiên chưa nghiệm thu bàn giao).
- 01 công trình không thực hiện (Công trình Nhà y tế: dừng thực hiện do xét thấy chưa cấp thiết)
- 01 công trình chuyển sang năm 2017 thực hiện (Công trình Nâng cấp hệ thống nâng hạ cánh phai xả tràn: đã đấu thầu lựa chọn Tư vấn thiết kế nhưng không thành công do không nhà thầu nào đáp ứng yêu cầu của HSMT)

Nội dung	ĐVT	Dự toán	Thực tế	% Chênh lệch
Thay mới các dao cách ly 110kV	Triệu đồng	4,301.4	4,301.4	0%
Thay mới Máy biến áp T3	Triệu đồng	13,888	12,593.4	- 9%
Thay mới Máy biến áp T5	Triệu đồng	2,000	1,765.5	- 12%
Tổng cộng	Triệu đồng	20,181.4	18,660.4	-8%

Nhìn chung, Công ty quản lý rất tốt chi phí đầu tư, thực hiện dự án. Tổng chi phí cho việc đầu tư xây dựng giảm hơn 8% so với dự toán ban đầu.



DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Quang Thắng
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 01/03/1965

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 04/1986 - 03/2002 : CN sửa chữa Nhà máy Thủy điện Thác Bà
- 04/2002 - 03/2005 : Nhân viên vận hành, Trưởng ca vận hành PX Vận hành Nhà máy Thủy điện Thác Bà
- 04/2005 - 09/2005 : Chuyên viên phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty Thủy điện Thác Bà
- 10/2005 - 03/2006 : Phó phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà
- 03/2006 - 06/2007 : Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà
- 06/2007 - 8/2012 : Phó Tổng giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà
- 09/08/2012 - 12/06/2013 : Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà
- 12/06/2013 - 27/04/2015 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà
- 27/04/2015 - Hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 11,432,600 chiếm 18% vốn điều lệ

- Cá nhân: 2,600 cổ phần chiếm 0.004% vốn điều lệ
- Đại diện: 11,430,000 cổ phần chiếm 18% vốn điều lệ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)



Ông Nguyễn Trọng Hiền
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 10/09/1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- 4/2004 - 5/2007: Ông giữ các chức vụ Phó phòng, Trưởng phòng Dự án Công ty Investpro
- 05/2007 - 3/2012 : Chuyên viên Ban đầu tư 2 – SCIC
- 06/2012 - 6/2013 : Phó ban đầu tư 4, phó ban đầu tư 1 – SCIC
- 06/2012 - 6/2013 : Phó trưởng Ban phụ trách Ban đầu tư 2 – SCIC
- 2008 - 6/2014: Thành viên HĐQT của các công ty có vốn đầu tư của nhà nước (VFH, CTS, VSH)
- 2008 - Hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà
- 1/2015 - Hiện tại: Công tác tại Công ty cổ phần cơ điện lạnh - REE

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Sông Ông

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần



Ông Lê Tuấn Hải
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 08/04/1970

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành hệ thống điện

Quá trình công tác:

- 2/1996 - 3/2006 : Phụ trách các vị trí quản lý tại công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
- 4/2006 - 12/2007: Phó giám đốc công ty thủy điện Thác Mơ
- 1/2008 - 3/2011: Ủy viên HĐQT - Tổng giám đốc kiêm trưởng ban QLDA thủy điện Thác Mơ mở rộng, Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
- 4/2011 - 3/2012: Nghỉ việc để giải quyết việc gia đình
- 16/3/2012 - 1/2/2013: Trưởng phòng dự án Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- 2/7/2013 - 19/1/2016: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và CTHĐQT Công ty cổ phần thủy điện Hạ Sông Pha (miễn nhiệm vào 28/9/2015)
- 20/1/2016 - 19/01/2016: Giám đốc kỹ thuật - Công ty cổ phần cơ điện lạnh - REE
- 4/2016 - Hiện tại: TVHĐQT Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Giám đốc kỹ thuật - Công ty cổ phần cơ điện lạnh - REE

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần



Ông Nguyễn Quang Quyền
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 23/03/1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1997 - 2000 : Quản lý quỹ Vietnam Frontier Found – Công ty tài chính Mỹ (Finansa)
- 2000 - 2002: Nhóm trưởng chuyên viên phân tích tài chính - Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)
- 2002 - 2007 : Kiểm soát tài chính và đầu tư – Công ty cổ phần sữa VN (Vinamilk)
- 2007 - Hiện tại: Giám đốc đầu tư - Công ty cổ phần Cơ điện lạnh (REE)

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

- Giám đốc đầu tư tại Công ty cổ phần cơ điện lạnh - REE
- Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại
- Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
- Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (ISH)

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần



Ông Hồ Văn Trung
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 30/07/1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Kỹ sư điện, điện tử

Quá trình công tác:

- 05/2000 - 03/2010: Trưởng ca vận hành, chuyên viên kỹ thuật C&I các nhà máy điện Khí - Công ty nhiệt điện Phú Mỹ (Nay là Tổng công ty phát điện 3)
- 04/2010 - 12/2012 : Phó quản đốc Phân xưởng Vận Hành 2 - Công ty nhiệt điện Phú Mỹ (Nay là Tổng công ty phát điện 3)
- 1/2013 - Hiện tại : Phó trưởng ban Đầu tư - Xây dựng thuộc Tổng công ty phát điện 3
- 4/2016 - Hiện tại: TVHĐQT Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Phó trưởng ban Đầu tư - Xây dựng thuộc Tổng công ty phát điện 3

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 7,620,000 cổ phần chiếm 12% vốn điều lệ

- Cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện: 7,620,000 cổ phần chiếm 12% vốn điều lệ

BAN KIỂM SOÁT



Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Trưởng Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 17/11/1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1997 - 2001 : Kế toán tổng hợp - Xí nghiệp giấy Mai Lan
- 2002 - 2004: Kế toán trưởng - CTCP Mai Lan
- 2005 - 2006: Kế toán viên - Công ty TNHH DVKT Cơ điện lạnh REE (REE&ME)
- 12/2006 - 11/2007: Kế toán tổng hợp - CTCP Cơ điện lạnh
- 12/2007 - Hiện tại: Phó phòng kế toán - CTCP Cơ điện lạnh
- 5/2009 - 12/2013: Kiêm nhiệm KTT - CTCP Vĩnh Thịnh
- 1/2013 - Hiện tại: Kiêm nhiệm KTT - CTCP Đầu tư nước sạch Việt Nam
- 4/2016 - Hiện tại: Trưởng ban kiểm soát - CTCP thủy điện Thác Bà

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác

- Phó phòng kế toán - kế toán tổng hợp - CTCP Cơ điện lạnh
- Kế toán trưởng - CTCP Đầu tư nước sạch Việt Nam

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần



Ông Phạm Hoàng Giang
Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 22/2/1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác:

- 2008 - 2010: Trợ lý kiểm toán tại Công ty TNHH Deloitte VN
- 2010 - 2011: Nhân viên tài chính kế toán - Công ty TNHH Jones Lang LaSalle
- 04/2011 - Hiện tại: Kiểm toán nội bộ - CTCP Cơ điện Lạnh (REE)
- 04/2016 - Hiện tại: Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

- Kiểm toán nội bộ - CTCP Cơ điện Lạnh (REE)

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần



Bà Vũ Thị Kiên
Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 13/07/1987

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác:

- 2010: Kế toán - Công ty TNHH Thép An - Hưng - Tường
- 2011 - 2013: Kế toán tổng hợp - Công ty TNHH Vedan Việt Nam
- 2013 - Hiện tại: Kế toán tổng hợp - Tổng công ty phát điện 3
- 04/2016 - Hiện tại: Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác

- Kế toán tổng hợp - Tổng công ty phát điện 3

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 01/03/1966

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 01/10/1986 - 16/03/1988: Trục chính, Phân xưởng Vận Hành - Vận hành trung tâm, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 01/10/1989 - 31/12/2000: Trưởng kíp, Phân xưởng Vận Hành - Vận hành trung tâm, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 10/01/2001 - 01/04/2005: Trưởng ca, Phân xưởng Vận Hành - Vận hành trung tâm, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 10/05/2005 - 31/12/2009: Quản đốc, Phân xưởng Vận Hành, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 01/01/2010 - 15/07/2010: Trưởng Phòng Kỹ thuật, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 15/07/2010 - 19/09/2012: Giám đốc, Trung tâm dịch vụ kỹ thuật, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 20/09/2012 - 26/04/2015: Phó Tổng giám đốc, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 27/04/2015 - Hiện tại: Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc, Công ty CP Thủy điện Thác Bà

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: không có

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần



Ông Nguyễn Mạnh Cường
Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 14/06/1979

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật đo và tin học công nghiệp

Quá trình công tác:

- 01/11/2002 - 21/10/2004: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 22/10/2004 - 10/07/2005: Kỹ sư điện Phân xưởng Điện Tự động Ban CBSX nhà máy thủy điện Tuyên Quang, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 11/07/2005 - 21/08/2005: Tổ trưởng Phân xưởng Điện Tự động Ban CBSX nhà máy thủy điện Tuyên Quang, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 22/08/2005 - 24/04/2006: Kỹ sư điện Phân xưởng sửa chữa - Tổ tự động, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 25/04/2006 - 19/03/2007: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 20/03/2007 - 10/07/2010: Phó phòng Kỹ thuật, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 10/07/2010 - 09/10/2012: Trưởng Phòng Kỹ thuật, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 10/10/2012 - 31/10/2013: Giám đốc Trung tâm dịch vụ kỹ thuật, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 01/11/2013 - 07/04/2015: Phó Tổng giám đốc Công ty kiểm Giám đốc Trung tâm dịch vụ kỹ thuật, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 08/4/2015 - Hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thủy điện Thác Bà

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: không có

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần

Đầu năm 2017, Công ty đã miễn nhiệm Kế toán trưởng - Ông Lê Đức Tuấn theo quyết định số 115/QĐ-TĐTB-HĐQT và bổ nhiệm ông Lê Hồng Minh phụ trách Kế Toán theo quyết định số 116/QĐ-TĐTB-HĐQT



Ông Lê Hồng Minh
Phụ trách kế toán

Ngày sinh: 15/02/1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác:

- 16/12/2009 - 31/01/2015: Chuyên viên Phòng Tài Chính Kế Toán, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 01/02/2015 - 24/01/2017: Phó Phòng - Phòng Tài Chính Kế Toán, Công ty CP Thủy điện Thác Bà
- 25/01/2017 - Hiện tại: Phụ trách Kế Toán, Công ty CP Thủy điện Thác Bà

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: không có

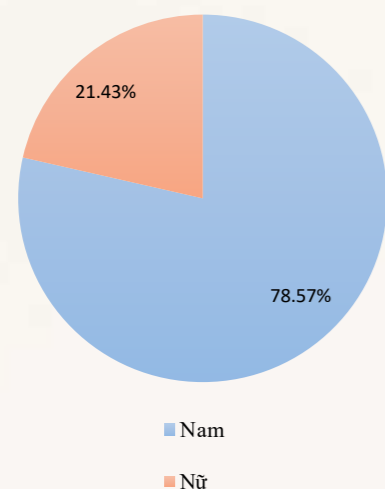
Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần

NGUỒN NHÂN LỰC

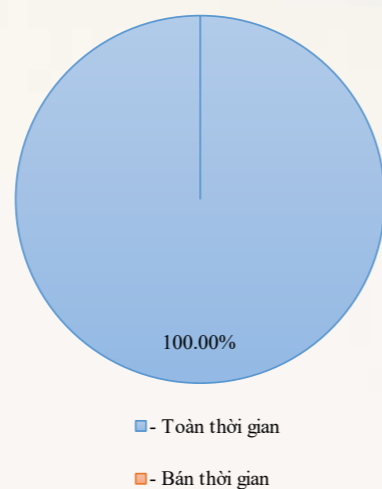
STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Mức lương trung bình	Số giờ đào tạo
1	Theo giới tính:			
	- Nam	110	15.5	41
	- Nữ	30	12.2	25
2	Theo hợp đồng lao động:			
	- Toàn thời gian	140	14.7	24
	- Bán thời gian			
3	Theo trình độ:			
	- Đại học và trên ĐH	61	15	30
	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	25	12.9	35
	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	45	12.5	37
	- Phổ thông	9	9.7	20
4	Theo chức vụ			
	Quản lý	16	22.4	32
	Văn phòng	43	12.7	25
	Công nhân	81	13.5	45
TỔNG CỘNG		140		

THEO GIỚI TÍNH



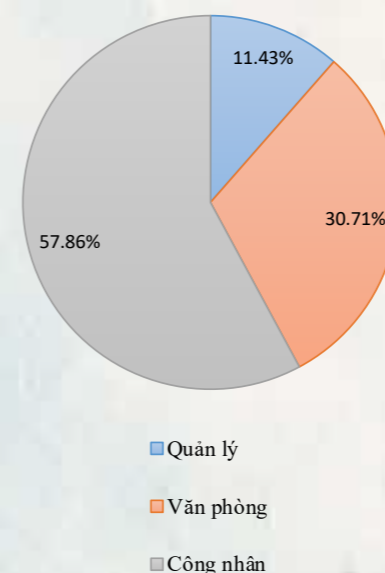
Do đặc thù ngành nghề của công ty chủ yếu là các công việc nặng và đòi hỏi kỹ thuật nên số lượng nữ nhân viên chiếm số ít hơn so với nhân viên nam. Cụ thể nữ nhân viên chiếm hơn 20% so với tổng thể số lượng nhân viên.

THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



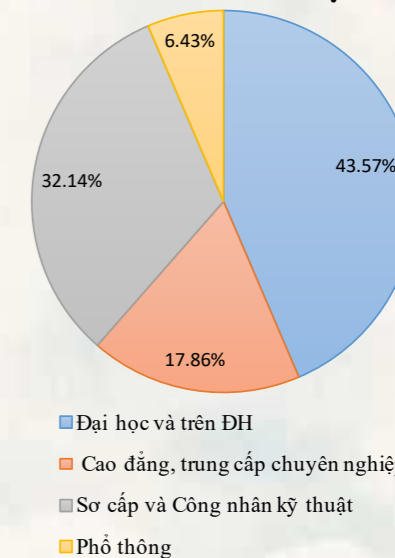
Công ty không có nhân viên làm việc bán thời gian trong năm 2016.

THEO CHỨC VỤ



Là một công ty liên quan đến sản xuất và kỹ thuật nên cũng dễ hiểu khi số lượng công nhân của lại chiếm số lượng lớn trong cơ cấu nhân viên của Công ty.

THEO TRÌNH ĐỘ



Đa số nhân sự của công ty có trình độ đại học trở lên, cụ thể chiếm 43% cơ cấu nhân viên công ty. Đứng thứ 2 là trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật đã qua đào tạo để tham gia vào công tác sản xuất của công ty, chiếm 32%.

Chính sách đối với người lao động:

- **Chế độ làm việc:** Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định Pháp luật về lao động. Thỏa ước tập thể và các đặc thù đối với người lao động ngành điện.
- **Chính sách đào tạo:** Với truyền thống 45 năm quản lý vận hành nhà máy thủy điện, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Hằng năm, Công ty luôn thực hiện kết hợp đào tạo tại chỗ và cử cán bộ đi học tập, bồi huấn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước. Ngoài việc đào tạo để đáp ứng cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty còn thực hiện dịch vụ bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành sửa chữa cho các nhà máy điện khác.
- **Chính sách tuyển dụng:** Công ty có trụ sở đóng tại địa bàn không thuận tiện về giao thông, cách xa các đô thị nên công tác tuyển dụng lao động của công ty trong những năm qua gặp phải khó khăn nhất định. Hiện tại công ty đang thực hiện, áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm về công tác lâu dài tại Công ty.
- **Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:** Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là đối với lao động có kinh nghiệm, lao động chuyên môn, nghiệp vụ làm việc lâu dài tại công ty.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	(%) tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	872,399,671,384	879,793,408,957	0.84%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	251,087,216,645	241,080,375,864	-3.98%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	142,346,346,023	135,796,951,937	-4.60%
Lợi nhuận khác	1,971,190,194	1,907,328,810	-3.24%
Lợi nhuận trước thuế	144,317,536,217	137,704,280,747	-4.58%
Lợi nhuận sau thuế	115,290,857,822	110,170,485,307	-4.44%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,737	1,735	-0.11%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Thay đổi
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	13.28	10.19	76.73%
	Hệ số thanh toán nhanh	13.1	10.07	76.87%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.034	0.047	138.24%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.036	0.050	138.89%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	16.55	19.32	116.74%
	Vòng quay khoản phải thu	3.31	5.46	165.73%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.29	0.27	93.10%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	45.91%	45.69%	99.52%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	13.7%	13.14%	96.04%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	13.2%	12.52%	94.75%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	56.7%	56.32%	99.35%

Về khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm nay giảm từ 13.28 xuống 10.2 và thanh toán nhanh giảm từ 13.1 xuống 10.07 là do sự tăng không đồng đều giữa cơ cấu tài sản và nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán giảm chứng tỏ Công ty đã sử dụng nợ nhiều hơn trong sản xuất. Bằng chứng là năm nay nợ ngắn hạn đã tăng 38% so với năm ngoái.

Về cơ cấu vốn:

Chỉ số năm nay có tăng nhẹ so với năm ngoái vì công ty sử dụng nợ ngắn hạn nhiều hơn tuy nhiên sự tăng không đáng kể so với tài sản của Công ty.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Chỉ số doanh thu thuần/tổng tài sản năm nay có giảm nhẹ so với năm ngoái do doanh thu giảm mặc dù tài sản có tăng nhẹ.

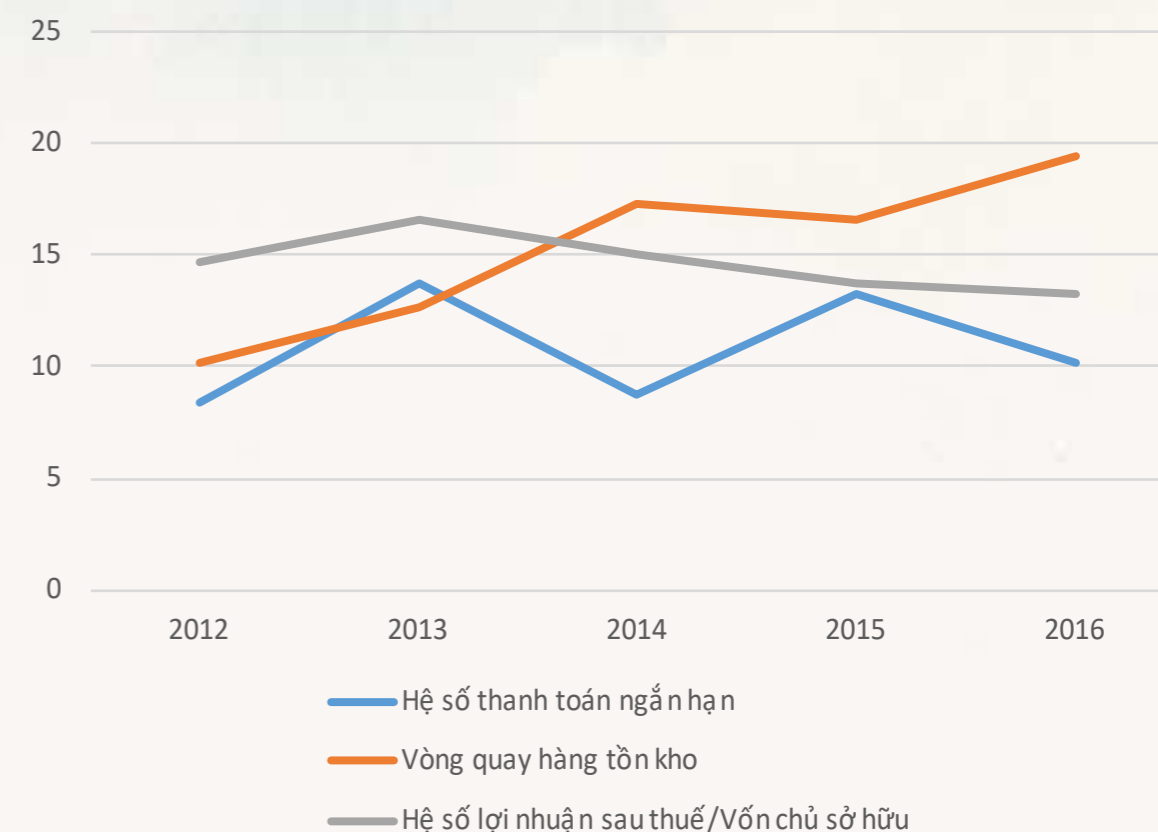
Vòng quay hàng tồn kho tăng do bình quân hàng tồn kho năm 2016 giảm mạnh so với bình quân hàng tồn kho năm 2015

Vòng quay khoản phải thu tăng vì bình quân các khoản phải thu giảm mạnh trong những năm gần đây.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Lợi nhuận sau thuế năm nay có giảm nhẹ so với năm 2015 do tình hình thủy văn không thuận lợi dẫn đến việc công ty ngoài thị trường từ tháng 10/2016

HỆ SỐ TÀI CHÍNH



THÔNG TIN CỔ PHIẾU, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm 31/12/2016, thông tin Cổ phần của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Số liệu
Vốn điều lệ của Công ty	635,000,000,000
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	63,500,000
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	63,500,000
Cổ phiếu quỹ	0
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10,000 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

Theo loại hình sở hữu:

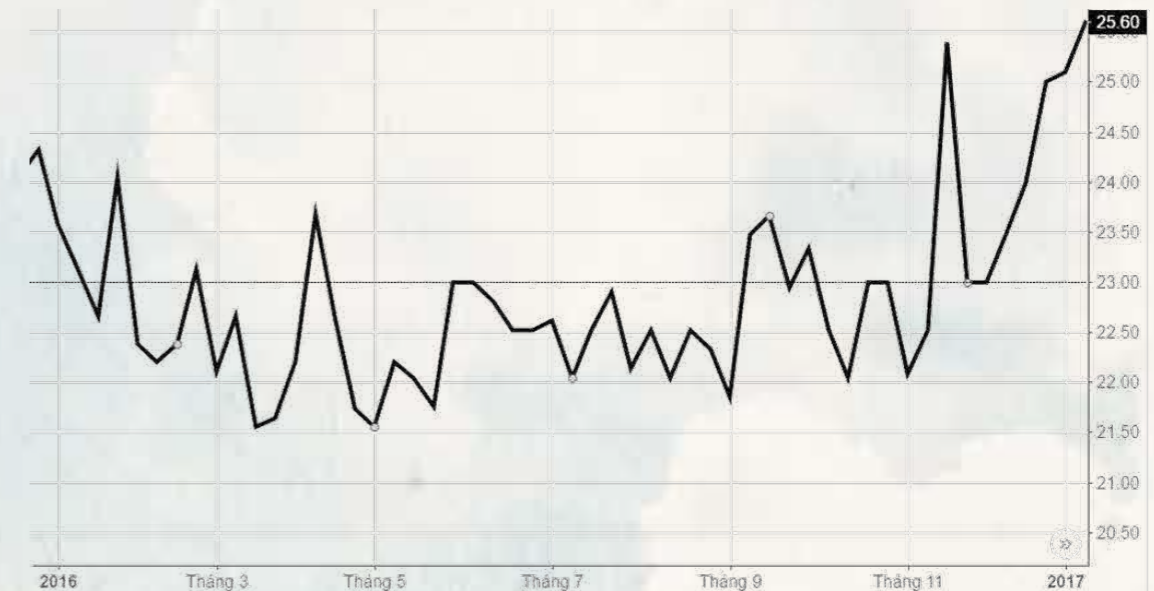
STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	63,189,506	99.51%
	- Tổ Chức	59,544,923	93.77%
	- Cá nhân	3,644,583	5.74%
2	Cổ đông nước ngoài	310,494	0.49%
	- Tổ chức	151,080	0.24%
	- Cá nhân	159,414	0.25%

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông Nhà nước	19,050,000	30.00%
2	Cổ đông sáng lập	0	
3	Cổ đông lớn (sở hữu ≥ 5% vốn CP)	57,215,168	90.10%
	- Trong nước	57,215,168	90.10%
	- Nước ngoài	0	0%
4	Cổ đông khác		
	- Trong nước	5,974,338	9.41%
	- Nước ngoài	310,494	0.49%
TỔNG CỘNG		63,500,000	100.00%

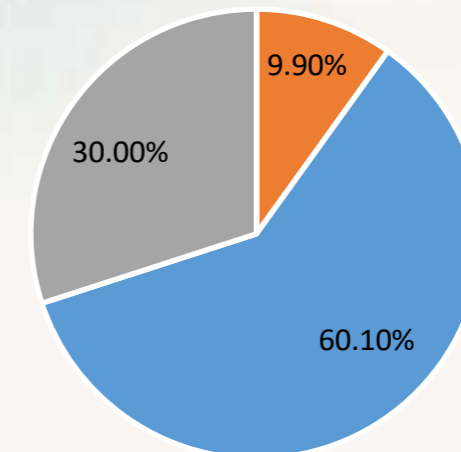
Danh sách cổ đông lớn:

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL
Tổng công ty Phát điện 3	3502208399	KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	19,050,000	30.00%
Công ty cổ phần Cơ điện lạnh	0300741143	364 Cộng Hòa, P13, Q. Tân Bình, HCM	38,165,168	60.10%

Biến động giá cổ phiếu trong năm 2016



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG LỚN



■ Cổ đông khác
 ■ Công ty cổ phần Cơ điện lạnh
 ■ Tổng công ty Phát điện 3

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: Không có
Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	TH/KH 2016	TH 2016/TH 2015
Lưu lượng nước về hồ bình quân	m3/s	131.66	169.00	153.70	90.95%	116.74%
Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	341.77	350.00	304.40	86.97%	89.06%
Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	336.71	344.58	299.95	87.05%	89.08%
Tổng doanh thu	Triệu Đồng	273,476.28	273,925.90	266,160.18	97.17%	97.32%
Tổng chi phí	Triệu Đồng	129,158.74	142,991.70	128,455.80	89.83%	99.46%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	115,290.85	104,746.40	110,170.48	105.18%	95.56%

Đánh giá chung

- Công ty luôn duy trì và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001: 2004 đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và đảm bảo điều kiện cạnh tranh môi trường.
- Kiểm soát chặt chi phí sản xuất kinh doanh đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.
- Công tác vận hành nhà máy, điều tiết hồ chứa gặp thuận lợi do 3 tổ máy đều ở chế độ sẵn sàng vận hành theo huy động của hệ thống.
- Công tác sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng công trình thiết bị được tiến hành đều đặn, theo đúng kế hoạch. Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2016 là 6 hạng mục nhưng công ty có bổ sung thêm 1 mục trong năm. Nhìn chung có 2 hạng mục công ty không thực hiện vì một số lý do khách quan. Còn lại Công ty đã chủ động thực hiện sửa chữa và hoàn thành.
- Công tác điều hành, quản lý vận hành chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, nội quy, quy định của Công ty. Trong năm, Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.
- Tình hình thủy văn năm 2016 không thuận lợi mực nước hồ đầu năm thấp 54.76m (năm 2015: 57.77m) và tần suất nước về 77% không đạt kế hoạch; Tổng lượng nước về hồ chứa là 4.87 tỷ m³, thấp hơn so với trung bình nhiều năm khoảng 01 tỷ m³; Lưu lượng nước về trung bình năm 153.7 m³/s bằng 80.9% so với trung bình nhiều năm (190 m³/s). Theo yêu cầu xả nước để phục vụ tưới tiêu trong các tháng đầu năm, công ty đã phải khai thác nước nhiều nên mức nước hồ giảm rất thấp ảnh hưởng đến chiến lược chào giá thị trường điện trong mùa khô. Từ tháng 10/2016, công ty phải ra khỏi thị trường điện.
- Năm 2016, tổng doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty đạt 23.11 tỷ đồng, chủ yếu là từ tiền lãi gửi ngân hàng, đầu tư tài chính ngắn hạn (ủy thác đầu tư).
- Công tác dịch vụ kỹ thuật của Công ty ngày càng tạo được uy tín và thương hiệu trên thị trường.



Những tiến bộ công ty đạt được

- Công tác thị trường điện: việc phân bổ Qc trong năm 2016 có thuận lợi hơn năm 2015 tuy nhiên tình hình thủy văn không thuận lợi đã gây khó khăn cho Công ty khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Ban điều hành luôn luôn giám sát, chỉ đạo công tác thị trường điện để chào giá tối ưu và tiết kiệm nước đem lại lợi nhuận cao nhất từ thị trường. Trong năm 2016 doanh thu tăng thêm từ thị trường điện đạt 53.9 tỷ đồng.
- Hợp đồng dịch vụ: Trong năm 2016 Công ty đã ký kết 16 hợp đồng với giá trị hơn 8.68 tỷ đồng và thực hiện xong nhiều hợp đồng dịch vụ với doanh thu 8.51 tỷ đồng cao hơn 1.01 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2015.
- Công tác lao động tiền lương: tổng số lao động tính đến thời điểm 31/12/2016 là 140 người, tiền lương bình quân 16.8 triệu đồng/người/tháng, thu nhập bình quân 17.04 triệu đồng/người/tháng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	%
1	Tài sản ngắn hạn	397,802,197,708	424,076,406,630	106.60%
	Tiền và các khoản tương đương tiền	53,782,863,176	24,229,101,167	45.05%
	Đầu tư tài chính ngắn hạn	289,724,592,557	353,566,645,773	122.04%
	Các khoản phải thu ngắn hạn	48,949,067,313	39,268,987,868	79.60%
	Hàng tồn kho	5,228,868,255	5,056,329,439	96.70%
	Tài sản ngắn hạn khác	116,806,407	1,955,342,383	1,674.00%
2	Tài sản dài hạn	474,597,473,676	455,717,002,327	96.02%
	Tài sản cố định	439,496,454,941	421,707,350,408	95.95%
	Tài sản dở dang dài hạn	1,336,098,557	2,925,645	0.02%
	Đầu tư tài chính dài hạn	32,619,000,000	32,619,000,000	100.00%
	Tài sản dài hạn khác	1,145,920,178	1,387,726,274	121.10%
	Tổng Tài sản	872,399,671,384	879,793,408,957	100.84%
3	Nợ phải trả	29,963,103,097	41,614,522,912	138.89%
	Nợ ngắn hạn	29,963,103,097	41,614,522,912	138.89%
	Nợ dài hạn	0	0	0

Tài sản

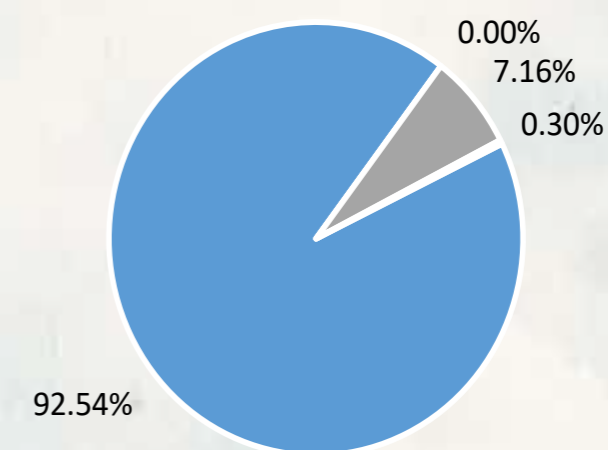
Nhìn chung, tài sản của TBC không biến động nhiều giữa các năm. Tính đến 31/12/2016, tổng tài sản của TBC là hơn 879 tỷ đồng tăng nhẹ so với năm 2015. Trong đó tuy tài sản dài hạn có giảm nhẹ nhưng tài sản ngắn hạn lại tăng 6% so với năm 2015 và tỷ lệ giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn là tương đối đồng đều nhau.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, khoản đầu tư tài chính vẫn chiếm tỷ trọng lớn là 83% và tăng hơn 22% so với năm 2015, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty. Các khoản khác lần lượt là tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 6%, các khoản phải thu chiếm 9%, hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác chiếm 1%.

Nợ phải trả

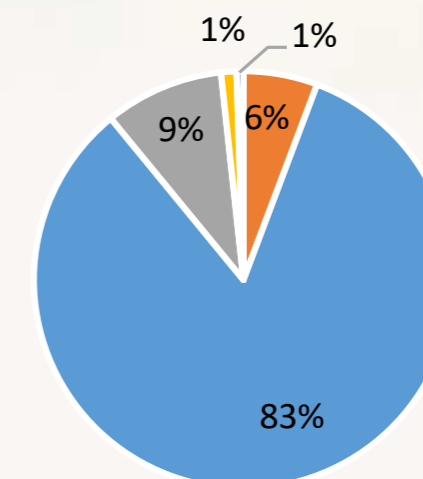
Đến thời điểm 31/12/2016, các khoản nợ phải trả của công ty là hơn 41 tỷ và tăng 38% so với năm 2015. Công ty không có một khoản nợ dài hạn nào. Nhìn chung, công ty hoạt động với nợ vay không đáng kể so với tài sản nên việc tăng nợ đột biến không phải là vấn đề lớn.

TÀI SẢN DÀI HẠN

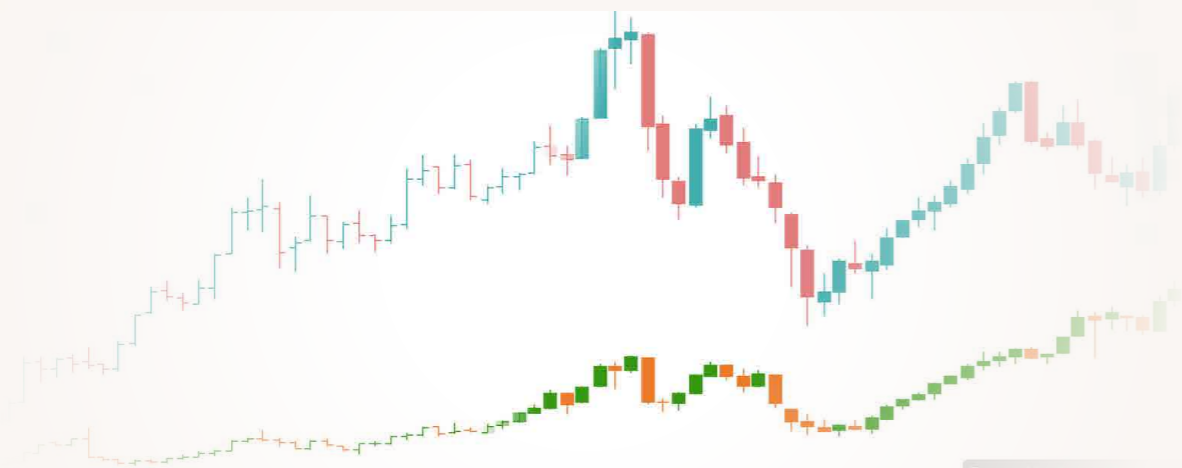


- Tài sản cố định
- Tài sản dở dang dài hạn
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Tài sản dài hạn khác

TÀI SẢN NGẮN HẠN



- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- Tài sản ngắn hạn khác



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm 2016, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của công ty

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất



Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính. Công ty

bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận.



Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình, góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Tổng công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất năm 2017:

Nội dung	ĐVT	KH 2016	KH 2017	% Thay đổi
Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	350,00	355,00	101.43%
Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	344.60	349.70	101.48%
Sản lượng điện hợp đồng Qc	Triệu kWh	267.25	242.30	90.66%
Tỷ lệ tổn thất và tự dùng	%	1.52%	1.49%	98.03%
Giá bán điện bình quân	Đồng/kWh	723.41	736,00	101.74%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	273.925	289.40	105.65%
Tổng chi phí	Tỷ đồng	142.991	137.90	96.44%
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	130.934	151.49	115.70%
Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	104.747	121.19	115.70%
Cổ tức	%	14.8%	17.2%	116.22%

Giải pháp thực hiện:

- Nâng cao chất lượng người lao động để đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố.
- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và xử lý sự cố.
- Căn cứ tình thực tế và dự báo thủy văn, giá thị trường điện và Qc giao để có kế hoạch chào giá và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu khi tham gia thị trường.
- Thực hiện chuyển đổi Trung tâm dịch vụ kỹ thuật thành đơn vị hạch toán độc lập - Công ty dịch vụ kỹ thuật để phát triển công tác dịch vụ về: Đào tạo; Cung cấp chuyên gia vận hành; Sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh; Giám sát, lắp đặt... đối với các dự án điện trong khu vực. Năm 2017 phần đầu lợi nhuận sau thuế từ hoạt động dịch vụ đạt 2.1 tỷ đồng.
- Tiếp tục làm việc với các đối tác để thực hiện việc cung cấp các dịch vụ kỹ thuật. Thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật đảm bảo chất lượng, tiến độ, xây dựng hình ảnh một đối tác uy tín, tin cậy.
- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm và phân tích các dự án để đầu tư.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	TH/KH 2016
Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	350.00	304.40	86.97%
Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	344.58	299.95	87.05%
Tổng doanh thu	Triệu Đồng	273,925.90	266,160.18	97.17%
Tổng chi phí	Triệu Đồng	142,991.70	128,455.80	89.83%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	104,746.40	110,170.48	105.18%

Năm 2016 công tác sản xuất điện đảm bảo yêu cầu kinh tế kỹ thuật, đáp ứng tốt phương thức huy động của hệ thống điện. Năm 2016 tình hình thủy văn không thuận lợi dẫn đến sản lượng điện sản xuất của Công ty năm 2016 chỉ đạt 86.97% so với kế hoạch. Tuy nhiên nhờ thực hiện tốt công tác chào giá trên Thị trường điện và mở rộng sản xuất kinh doanh dịch vụ kỹ thuật nên hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2016 đạt được hiệu quả cao, các chỉ tiêu kinh tế đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận vượt so với kế hoạch đề ra.

- Công tác phòng chống lụt bão thực hiện tốt, chủ động theo quy định, không để xảy ra thiệt hại do bão lũ.
- Công tác quản lý vận hành được thực hiện tốt, NLD chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, các nội quy, quy định của Công ty. Trong năm, Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.
- Công tác đại tu sửa chữa công trình, thiết bị đã thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ, góp phần duy trì nhà máy vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả, hạn chế được các hư hỏng phát sinh trong vận hành.
- Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành
- Công tác mua sắm các thiết bị bằng vốn ĐTPT đã được thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến hành theo đúng quy định Pháp Luật.
- Về công tác đầu tư phát triển, xác định đây là mục tiêu chiến lược mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm đã xem xét nhiều dự án thủy điện vừa và nhỏ, đã thực hiện phân tích đánh giá 3 dự án để thực hiện đầu tư như: dự án Thủy điện Thác Bà 2 tại huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái; dự án thủy điện Sử Pán 2 tại huyện Sapa – tỉnh Lào Cai; dự án thủy điện Ngòi Hút 1 tại huyện Văn Yên – tỉnh Yên Bái tuy nhiên qua phân tích đánh giá cả 3 dự án đều không hiệu quả.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Tổng Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của ban Tổng Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
- Yêu cầu Tổng Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và xây dựng kế hoạch năm 2017.

Trong năm 2016, nhìn chung Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của HĐQT. Tổng Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần tích lũy được nguồn vốn để tái đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, ổn định thu nhập cho người lao động và chi trả cổ tức cho cổ động.

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 với các chỉ tiêu chính như sau: sản lượng điện sản xuất phần đầu đạt **355 triệu kWh**, sản lượng điện thương phẩm: **349.7 triệu kWh**, tổng doanh thu **289.44 tỷ đồng**, tổng chi phí **137.94 tỷ đồng**, tổng lợi nhuận trước thuế **151.49 tỷ đồng**. Khai thác hợp lý hồ chứa để bảo đảm tích nước phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2018.

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nói trên, Hội đồng quản trị xác định mục tiêu, chiến lược trong năm 2017 của công ty như sau:

- Vận hành, phát điện liên tục, an toàn và ổn định 3 tổ máy theo đúng phương thức vận hành của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.
- Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, tính toán chào giá hợp lý, khai thác tối ưu hồ chứa để đạt sản lượng và doanh thu cao nhất cho Công ty khi công ty tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.
- Thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện hoàn thành kế hoạch: Sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên và kế hoạch Đầu tư xây dựng.
- Triển khai, đôn đốc thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.
- Lập và triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống lụt bão năm 2017 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.
- Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các công trình điện, ưu tiên vào công trình thủy điện vừa và nhỏ.
- Thực hiện chuyển đổi Trung tâm dịch vụ kỹ thuật thành đơn vị hạch toán độc lập - Công ty dịch vụ kỹ thuật để phát triển công tác dịch vụ về: Đào tạo; Cung cấp chuyên gia vận hành; Sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh; Giám sát, lắp đặt... đối với các dự án điện trong khu vực. Năm 2017 phần đầu lợi nhuận sau thuế từ hoạt động dịch vụ đạt 2.1 tỷ đồng.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI NGÀY 31/12/2016:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần		
			Sở hữu cá nhân	Đại diện pháp nhân	Tổng
1	Nguyễn Quang Thắng	Chủ tịch HĐQT	2,600	11,430,000	11,432,600
2	Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	0	0	0
3	Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên HĐQT	0	0	0
4	Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT	0	0	0
5	Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT	0	7,620,000	7,620,000

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà đã tiến hành họp thường kỳ 6 lần, đồng thời tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản 10 lần và ban hành 19 Nghị quyết. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản và ra nghị quyết giao Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TVHĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông: Nguyễn Quang Thắng	Chủ tịch		6	100%
2	Ông: Vũ Hoàng Chương	TV	Ngày không còn là TVHĐQT 15/4/2016	3	100%
3	Ông: Lê Tuấn Hải	TV	Ngày bắt đầu là TVHĐQT 15/4/2016	3	100%
4	Ông: Nguyễn Trọng Hiền	TV		6	100%
5	Ông: Nguyễn Quang Quyền	TV		6	100%
5	Ông: Hồ Văn Trung	TV		6	100%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÔNG ĐIỀU HÀNH:

Thành viên Hội đồng quản trị tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty theo đúng trách nhiệm của mình, tuân thủ Pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

Năm 2016, Thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ VỀ ĐÀO TẠO CÔNG TY: 5/5 thành viên

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2016

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	189/NQ-TĐTB-HĐQT	28/01/2016	Nghị quyết phiên họp thứ 27 của HĐQT nhiệm kỳ II
2	372/NQ-TĐTB-HĐQT	07/03/2016	Tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên 2016, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: máy biến áp T3
3	456/NQ-TĐTB-HĐQT	17/03/2016	Nghị quyết phiên họp thứ 28 của HĐQT nhiệm kỳ II
4	527/NQ-TĐTB-HĐQT	31/03/2016	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp và lắp đặt máy biến áp T3
5	597/NQ-TĐTB-HĐQT	04/07/2016	Phê duyệt phương án thanh xử lý tài sản năm 2016
6	649/NQ-TĐTB-HĐQT	14/04/2016	Nghị quyết phiên họp thứ 29 của HĐQT nhiệm kỳ II
7	654/NQ-TĐTB-HĐQT	15/04/2016	Nghị quyết phiên họp thứ 1 của HĐQT nhiệm kỳ III
8	711/NQ-TĐTB-HĐQT	27/04/2016	Thông nhất ngày chốt, ngày trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2015
9	712/NQ-TĐTB-HĐQT	27/04/2016	Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2015 và kế hoạch tiền lương 2016 của Chủ tịch HĐQT, thù lao HĐQT là BKS
10	819/NQ-TĐTB-HĐQT	13/05/2016	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016
11	820/NQ-TĐTB-HĐQT	13/05/2016	Trích thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế 2015
12	991/NQ-TĐTB-HĐQT	07/06/2016	Tạm dừng triển khai dự án Thủy điện Thác Bà 2
13	1205/NQ-TĐTB-HĐQT	14/06/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp và lắp đặt máy biến áp T3
14	1072/NQ-TĐTB-HĐQT	17/06/2016	Phê duyệt phương án điều chuyển các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu về lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối
15	1497/NQ-TĐTB-HĐQT	05/08/2016	Nghị quyết phiên họp thứ 2 của HĐQT nhiệm kỳ III
16	1620/NQ-TĐTB-HĐQT	25/08/2016	1. Dừng thực hiện hạng mục sửa chữa lớn “Thay mới máy biến điện áp 110kV”, không thực hiện trong năm 2016 2. Hủy thầu gói thầu “Cung cấp máy biến điện áp 110kV” do thay đổi mục tiêu đầu tư
17	1714/NQ-TĐTB-HĐQT	07/09/2016	1. Bổ sung danh mục và vốn sửa chữa lớn năm 2016. Danh mục: trạm biến áp 35kV, Hạng mục: thay mới máy biến điện áp 35kV. Nguồn vốn: vốn sửa chữa lớn năm 2016. Giá trị: 650.000.000 đồng. 2. Hủy quyết định số 1633/QĐ-TĐTB-HĐQT ngày 20/08/2016 về việc bổ sung danh mục và vốn sửa chữa lớn năm 2016
18	2239/NQ-TĐTB-HĐQT	17/11/2016	Phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016: - Tỷ lệ tạm ứng: 10% - Ngày đăng ký cuối cùng: 15/12/2016 - Ngày thanh toán: 30/12/2016
19	2240/NQ-TĐTB-HĐQT	17/11/2016	Nghị quyết phiên họp thứ 3 của HĐQT nhiệm kỳ III

BAN KIỂM SOÁT

TT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần		Tổng
			Sở hữu cá nhân	Đại diện pháp nhân	
1	Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng BKS	0	0	0
2	Phạm Hoàng Giang	Thành viên BKS	0	0	0
3	Vũ Thị Kiên	Thành viên BKS	0	0	0

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã thực hiện 4 cuộc kiểm tra, giám sát để đảm bảo công ty thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp, Luật Lao động và Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ Đông, Nghị quyết Hội đồng Quản trị; kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính của công ty.
- Các báo cáo kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát đều được gửi tới các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc
- Ngoài ra Ban Kiểm soát còn tham dự vào cuộc họp của HĐQT và có các ý kiến đóng góp về hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc điều hành và quản trị công ty.
- Ban Kiểm soát đã chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban TGD trong công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu liên quan.
- Ban kiểm soát cũng có nhiều ý kiến đóng góp cho HĐQT, Ban TGD về công tác thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như công tác hạch toán, kế toán.
- HĐQT và Ban TGD thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Nhìn chung Công ty đã thực hiện tuân thủ các quy định về công tác kế toán tài chính theo quy định của Pháp luật.
- Công ty cần theo dõi và lập kế hoạch bán thanh lý tồn kho vật tư, thiết bị thu hồi trong thời gian sớm nhất của năm 2017.
- Bên cạnh đó Công ty cần tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu đúng mục đích, hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Hạn chế tối đa các khoản tạm ứng cá nhân và phải hoàn tạm ứng theo đúng quy định (nếu có).

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH:

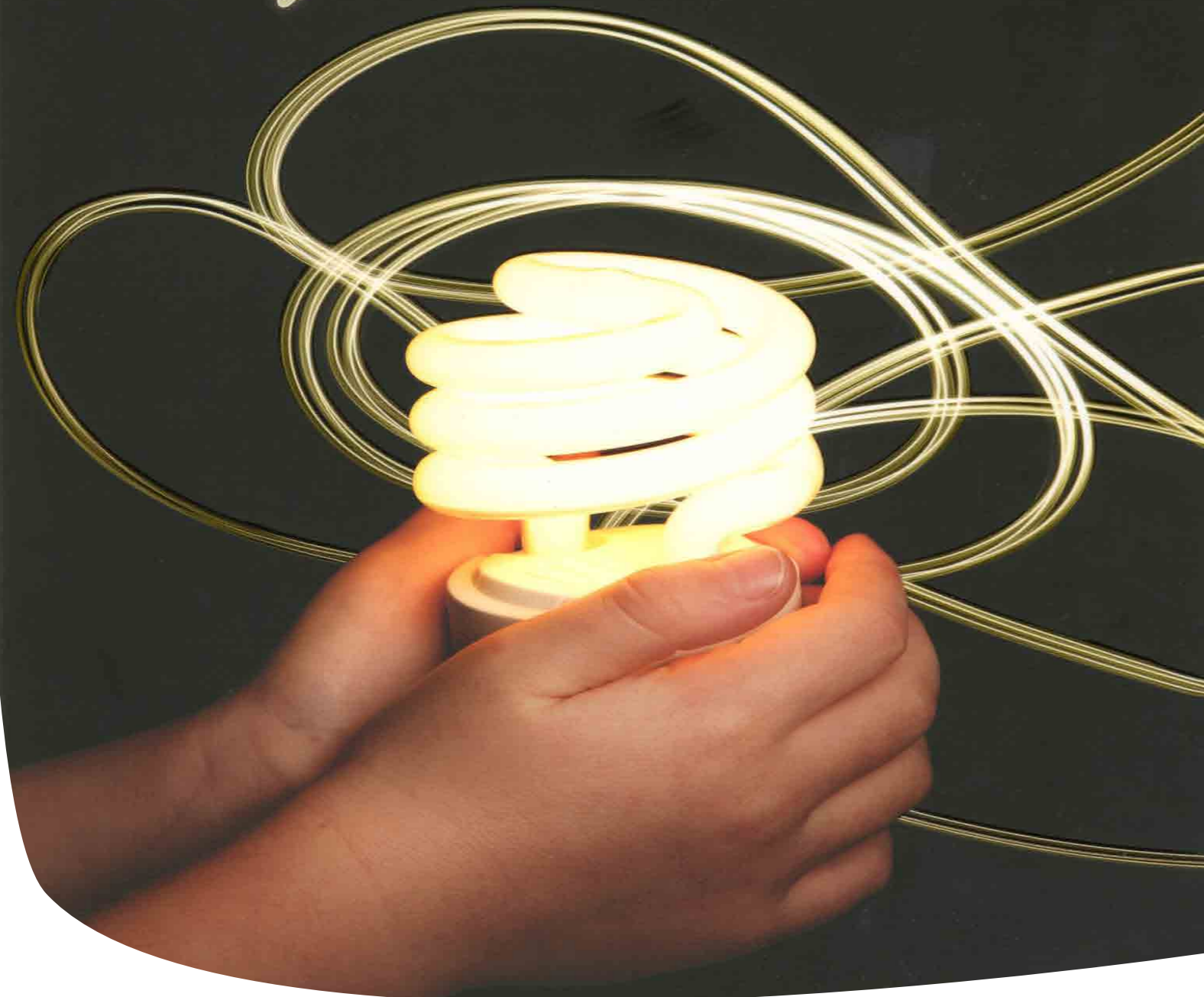
STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Thù lao trong năm
1	Nguyễn Quang Thắng	Chủ tịch HĐQT	12	881,220,000
2	Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	8.5	47,285,500
3	Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên HĐQT	12	66,756,000
4	Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT	12	66,756,000
5	Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT	12	66,756,000
6	Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng BKS	8.5	47,285,500
7	Phạm Hoàng Giang	Thành viên BKS	12	53,412,500
8	Vũ Thị Kiên	Thành viên BKS	8.5	37,833,500

(*Các thành viên được hưởng lương 8.5 tháng là được bầu mới trong Đại hội cổ đông vào tháng 4 năm 2016.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: Không có

For generations ahead...



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2016

THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà được ghép chung trong Báo cáo thường niên để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng và nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà, các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động... các bên liên quan khác.

Mục tiêu

Báo cáo Phát triển Bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên nhằm giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của TBC ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

Cách thức xác định nội dung báo cáo

Báo cáo được xây dựng dựa theo hướng dẫn tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn "Cốt lõi" và hướng dẫn làm BCTN tại thông tư 155 của bộ Tài Chính. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, Báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của Công ty có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội và môi trường.

Kỳ báo cáo

Báo cáo được lập cho năm tài chính 2016, bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc ngày 31/12/2016. Bắt đầu từ năm 2016, TBC tiến hành lập Báo cáo Phát triển Bền vững định kỳ hàng năm và công bố cùng với Báo cáo Thường niên theo quy định tại thông tư 155 của bộ Tài Chính

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà, các đơn vị thành viên trong lĩnh vực điện lực và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Tính đảm bảo của báo cáo

TBC tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế để công bố thông tin, số liệu trong Báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của TBC được nêu ra trong Báo cáo còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- Các thông tin tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Một số chứng chỉ quan trọng trong lĩnh vực thủy điện như ...

Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi:

Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà
Địa chỉ: Thị trấn Thác Bà - Huyện Yên Bình - Tỉnh Yên Bái

Điện thoại: 0216 3884116

Fax: 0216 3884167



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG VÀ NƯỚC

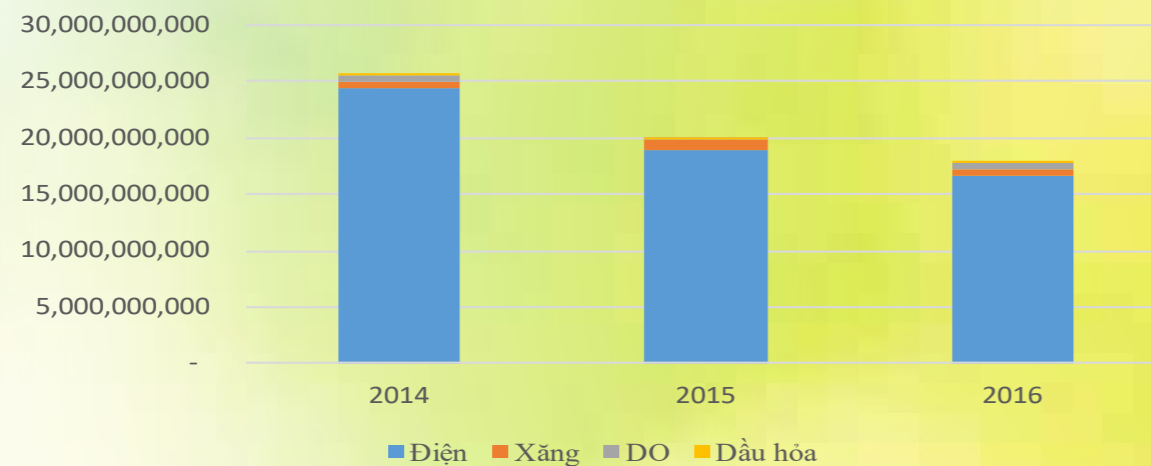
Năng lượng phục vụ việc sản xuất kinh doanh:

STT	Tiêu chí đo lường	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Điện	kWh	6,766,256	5,263,044	4,618,269
2	Xăng	Lít	21,400	25,600	20,800
3	DO	Lít	14,500	14,600	12,500
4	Dầu hỏa	Lít	135	115	196

Năng lượng quy đổi theo đơn vị đồng nhất (KJun)

STT	Tiêu chí đo lường	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Điện	24,358,521,600	18,946,958,400	16,625,768,400
2	Xăng	707,096,917	845,872,947	687,271,770
3	DO	534,252,500	537,937,000	460,562,500
4	Dầu hỏa	5,313,330	4,526,170	7,714,168
Tổng cộng		25,605,184,347	20,335,294,517	17,781,316,838

NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ ĐVT: KJUN



Là một công ty sản xuất điện, nên Công ty chủ yếu tự sản xuất và tự dùng nên nguồn năng lượng chủ yếu là năng lượng điện. Mức sử dụng năng lượng của Công ty trong năm 2016 chỉ bằng 69% của năm 2014 và 87% của năm 2015. Nhờ vào đó, Công ty có thể tiết kiệm được chi phí đáng kể nhờ vào sử dụng năng lượng hiệu quả.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG VÀ NƯỚC

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Công ty hiện tại đang áp dụng rất tốt chính sách tiết kiệm điện. Với mục tiêu quản trị cho toàn thể CBCNV Công ty ý thức tiết kiệm điện, thực hiện tiết kiệm điện tại cơ quan và gia đình, Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như: ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc; tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên; chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết, cài đặt chế độ làm mát từ 25 độ C trở lên; khi cải tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

Trong năm 2016, công ty đã thực hiện các sáng kiến tiết kiệm điện như sau:

STT	Sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả	Địa điểm hoạt động	Năng lượng tiết kiệm(ĐVT: KJun)
1	Giải pháp thay thế các bóng sợi đốt, bóng cao áp, bóng halogen, bóng tuýp thành bóng compact, bóng led có hiệu suất cao.	Khu vực nhà máy, trạm phân phối điện, nhà điều hành, công viên...	3,593,793,600
2	Thay mới toàn bộ máy biến áp lực cũ, có tổn thất cao của Công ty bằng thiết bị mới với công nghệ hiện đại	Khu vực nhà máy, trạm phân phối điện.	



Nguồn cung cấp và lượng nước sử dụng: nguồn cung cấp là nước mặt do mưa tự nhiên được tích tụ ở các hồ chứa. Lượng nước sử dụng qua các năm của Công ty: (ĐVT: Triệu m3)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tổng lượng nước về hồ	5,268.4	4,210.7	4,873.5
Tổng lượng nước qua máy	4,982.3	4,497.9	4,451.6
Lượng nước qua máy phục vụ đồ ải, tưới tiêu cho đồng bằng Bắc Bộ vụ đông xuân	777.1	714.1	612.5

CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ban Lãnh đạo Công ty hiểu rằng, con người là nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, Công ty đã nỗ lực hết sức mình để tạo ra một môi trường làm việc tốt, bảo đảm quyền lợi cho CB.CNV, tuân thủ qui định của pháp luật về người lao động. Hơn thế nữa, Công ty có trụ sở đóng tại địa bàn không thuận tiện về giao thông, cách xa các đô thị nên công tác tuyển dụng có gặp những khó khăn nhất định. Chính vì thế, Công ty luôn áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động, nhất là đối với những lao động có kinh nghiệm và thâm niên lâu dài tại Công ty.

Cơ cấu nhân viên của Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà:

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Tỷ lệ
1	Theo giới tính:		
	- Nam	110	78.57%
	- Nữ	30	21.43%
2	Theo hợp đồng lao động:		
	- Toàn thời gian	140	100%
	- Bán thời gian		
3	Theo trình độ:		
	Đại học và trên ĐH	61	43.57%
	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	25	17.86%
	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	45	32.14%
	Phổ thông	9	6.43%
4	Theo chức vụ		
	Quản lý	16	11.43%
	Văn phòng	43	30.71%
	Công nhân	81	57.86%
	Tổng số nhân viên	140	100%

Bên cạnh đó Công ty còn củng cố các cơ sở vật chất phục vụ công cộng nhằm phục vụ cho Người lao động của Công ty và nhân dân trong khu vực vui chơi sau giờ làm việc như: Sân vận động bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tennis, đặc biệt là củng cố nâng cấp hoàn thiện khu Văn hóa trung tâm của Công ty phục vụ cho các cuộc vui chơi luyện tập thể thao hàng ngày cho nhân dân và người lao động.



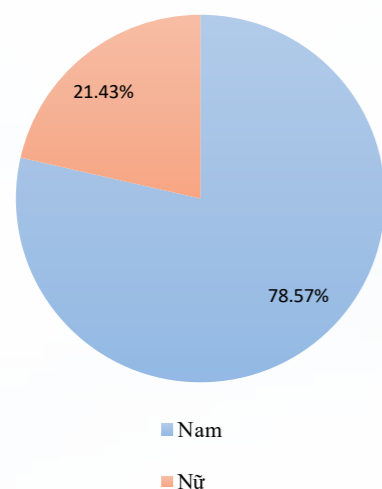
Chi quỹ phúc lợi động viên người lao động trong những dịp nghỉ lễ tết, hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn bị mắc bệnh hiểm nghèo. Trích quỹ khen thưởng động viên kịp thời người lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động.



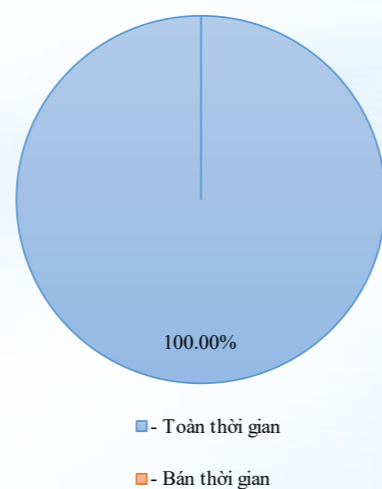
Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động toàn Công ty, riêng lao động trực tiếp được khám sức khỏe định kỳ 2 lần /năm. Hơn nữa, Công ty còn trích quỹ phúc lợi mua bảo hiểm con người cho người lao động.



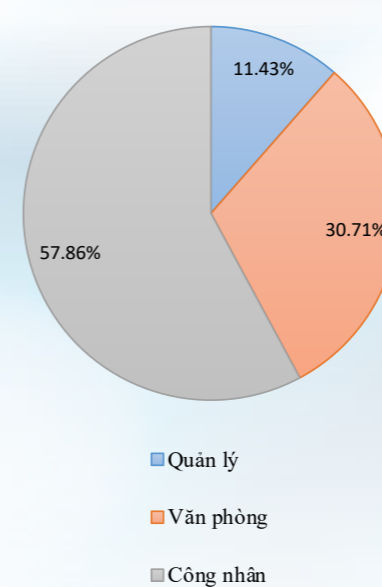
THEO GIỚI TÍNH



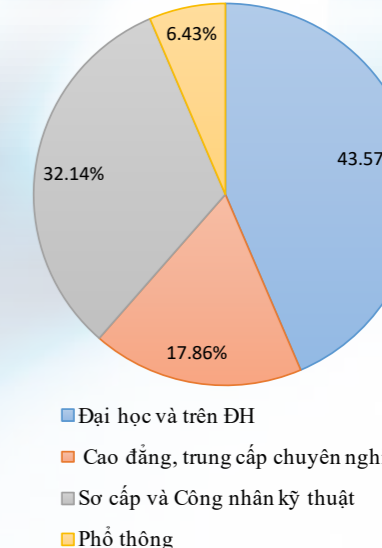
THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



THEO CHỨC VỤ



THEO TRÌNH ĐỘ



CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG(tiếp)

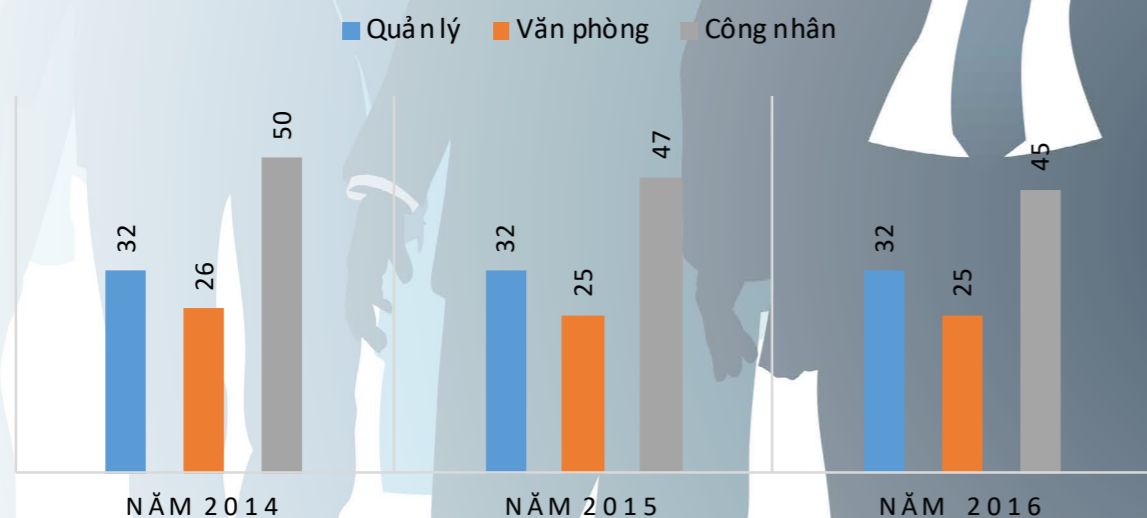
Với truyền thống 45 năm quản lý vận hành nhà máy thủy điện, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực được coi là nguyên khí của doanh nghiệp. Tại Công ty, tất cả người lao động đều có trách nhiệm học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để theo kịp sự phát triển của Công ty.

Chính sách đào tạo:

“Số giờ đào tạo trung bình
(ĐVT: Giờ/ Người)”

STT	Phân loại	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Quản lý	32	32	32
2	Văn phòng	26	25	25
3	Công nhân	50	47	45

SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH (ĐVT: GIỜ/NGƯỜI/NĂM)



Trong năm 2016, Công ty đã tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định của Thông tư 27/TT- BLĐTBXH ngày 18/10/2013 của Bộ lao động thương binh xã hội.

Công ty thường xuyên tổ chức huấn luyện, nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên. Nguồn nhân lực được tập trung huấn luyện nhiều nhất là công nhân (trung bình 45h/người/năm trong năm 2016) vì chủ yếu làm việc về kỹ thuật và máy móc. Các trường hợp được cử đi học các lớp chuyên môn, nghiệp vụ ngắn ngày theo đề nghị hoặc theo yêu cầu của Tổng Giám đốc Công ty sẽ được thanh toán theo quy định của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo do các đơn vị có uy tín trong và ngoài nước tổ chức, với các chương trình đào tạo xuyên suốt toàn hệ thống trong việc thực hiện mục tiêu hướng tới khách hàng của Công ty.



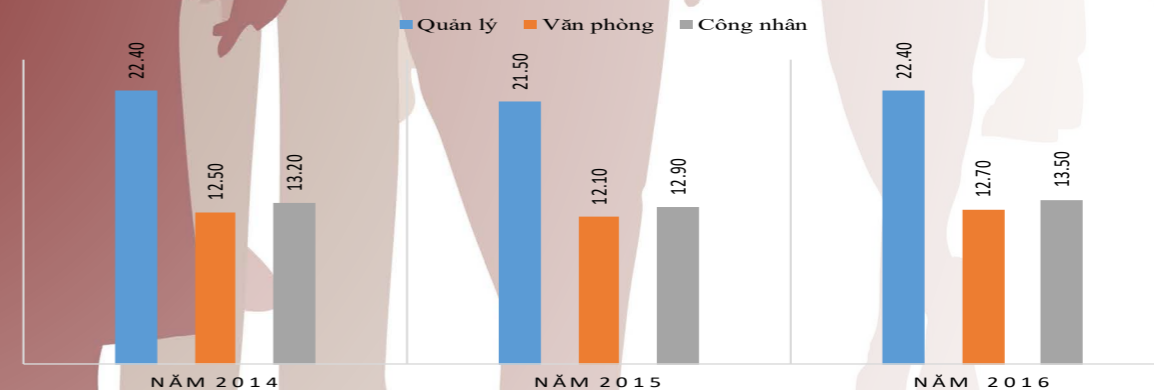
Với nhu cầu phát triển không ngừng của xã hội hiện nay, thị trường lao động đang dần chuyển sang xu hướng chú trọng đến hiệu quả công việc, trong khi đó nền tảng quan trọng để nâng cao hiệu quả công việc phụ thuộc rất lớn vào chiến lược phát triển và gìn giữ nhân tài. Điều này rất cần thiết không chỉ cho các công ty đa Quốc gia mà cho cả các doanh nghiệp Việt Nam hiện đang cạnh tranh gay gắt để có được đội ngũ nhân viên giỏi chuyên môn và đồng hành gắn bó lâu dài cùng doanh nghiệp. Ý thức được điều này, Công ty luôn coi các giải pháp về phúc lợi cho người lao động là một phần không thể thiếu trong chiến lược gìn giữ, phát triển nhân tài, gia tăng năng lực cạnh tranh và sẵn sàng đưa vị thế Công ty lên một tầm cao mới.

Thu nhập của người lao động tại Công ty:

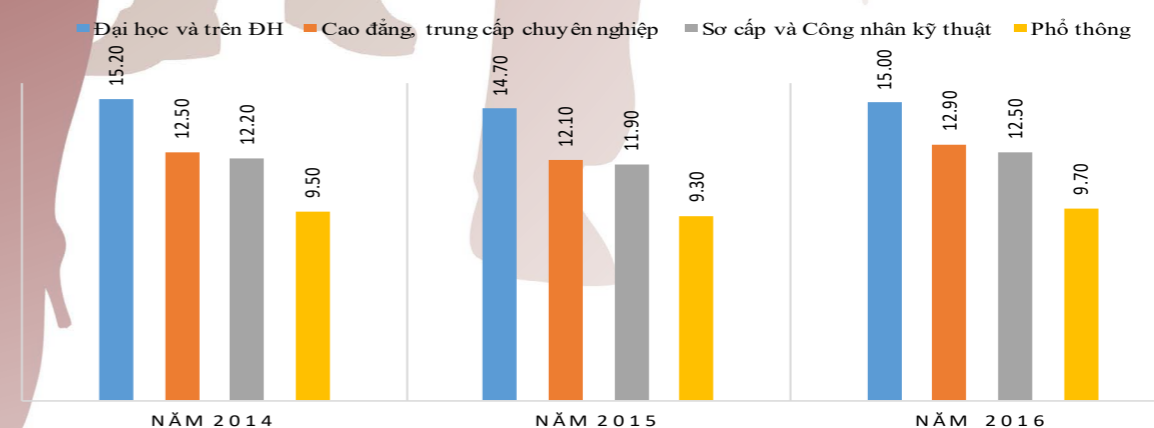
“Mức lương trung bình
(ĐVT: Triệu đồng/người)”

STT	Phân loại	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Theo trình độ:			
	Đại học và trên ĐH	15.2	14.7	15
	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	12.5	12.1	12.9
	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	12.2	11.9	12.5
	Phổ thông	9.5	9.3	9.7
2	Theo chức vụ			
	Quản lý	22.4	21.5	22.4
	Văn phòng	12.5	12.1	12.7
	Công nhân	13.2	12.9	13.5

MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH THEO CHỨC VỤ (ĐVT: TRIỆU/NGƯỜI/THÁNG)



MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH THEO HỌC VẤN (ĐVT: TRIỆU/NGƯỜI/THÁNG)



CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG(tiếp)

Quán triệt chỉ thị 34/CT/TW ngày 07/4/2004 của Bộ chính trị về việc tiếp tục đổi mới đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, công tác thi đua khen thưởng đã đi vào nề nếp. Thường trực thi đua đã thường xuyên kiểm tra đôn đốc của các đơn vị, đề xuất khen thưởng đột xuất cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất đã có tác dụng động viên thi đua.

Thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng công tác khen thưởng. Kết hợp chặt chẽ thi đua với khen thưởng theo phương châm “Thi đua là gieo trồng, khen thưởng là thu hoạch”. Thực hiện nghiêm túc quy trình bình bầu, xét duyệt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng bảo đảm đúng tiêu chuẩn, công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời. Kiên quyết khắc phục các biểu hiện phô trương, hình thức, bệnh thành tích. Chú trọng khen

thưởng các tập thể nhỏ, cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất được tôn vinh, khen thưởng, có tác dụng nêu gương và giáo dục.

Thông qua các phong trào thi đua phát hiện, xây dựng các điển hình tiên tiến; chú trọng thực hiện đồng bộ cả 4 khâu: Phát hiện - bồi dưỡng - tổng kết - nhân điển hình tiên tiến, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm trong đổi mới phương thức tổ chức chỉ đạo các phong trào thi đua hiện nay.

Công khai các thủ tục về công tác thi đua, khen thưởng, phù hợp với chủ trương chung, gắn với trách nhiệm của từng phòng chức năng và NLĐ. Công bố các hình thức khen thưởng cho NLĐ được biết và tiến hành tổ chức trao tặng theo nghi thức cấp trên quy định và tiết kiệm. Công tác phát động phong trào thi đua được thực hiện thường

xuyên theo từng chuyên đề, hướng ứng theo từng đợt mà Tổng Công ty phát động. Cụ thể trong năm 2016 Tổng Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn Công ty đã tổ chức được 2 đợt phát động thi đua: “Phát động thi đua lập thành tích hoàn thành thắng lợi sản xuất kinh doanh năm 2016; thi đua lập thành tích kỷ niệm 45 năm ngày truyền thống Công ty (05/10/1971-05/10/2016)”. Các đợt phát động đều tiến hành sơ, tổng kết.

Công ty đã tham gia đầy các cuộc họp, nội dung hoạt động và các chế độ báo cáo của Tổng Công ty cũng như Khối giao ước thi đua.

Công tác thành lập, kiện toàn Hội đồng thi đua - Khen thưởng, xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng thi đua - Khen thưởng, quy định về xét khen thưởng luôn được chú trọng.

Trong năm, công tác khen thưởng thường xuyên, đột xuất cũng được Công ty thực hiện tốt.

Công tác khen thưởng thường xuyên: trong năm công ty đã thực hiện trích quỹ khen thưởng với giá trị hơn 300 triệu đồng để thưởng cho các tập thể cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao như:

- Thưởng các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao nhân dịp kỷ niệm 45 năm ngày truyền thống công ty với số tiền: 50,000,000đ.
- Thưởng các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ năm 2016 với số tiền: 124,000,000đ.
- Thưởng các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua năm 2016 với số tiền: 105,310,000đ.
- Thưởng các tập thể, cá nhân được giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị với số tiền: 11,500,000đ.

Khen thưởng đột xuất:

- Thưởng động viên cho đội công tác của Trung tâm DVKT do đã hoàn thành xuất sắc và vượt tiến độ công trình Đại tu, sửa chữa bánh xe công tác turbine gió Nhà máy thủy điện Ngòi Đường 2 với số tiền: 25,000,000đ
- Thưởng động viên cho đội công tác của Trung tâm DVKT thực hiện thi công xây dựng Trường mầm non xã An Phú, huyện Lục Yên: 12,100,000đ.
- Thưởng đột xuất cho đội công tác của Trung tâm DVKT do đã xử lý tốt sự cố điều tốc H1 của thủy điện Thác Bà: 10,000,000đ.
- Thưởng động viên cho đội công tác Đại tu thanh cái 110kV của Công ty và Khắc phục sự cố điều tốc H2 của thủy điện Nậm Na 2: 31,500,000đ



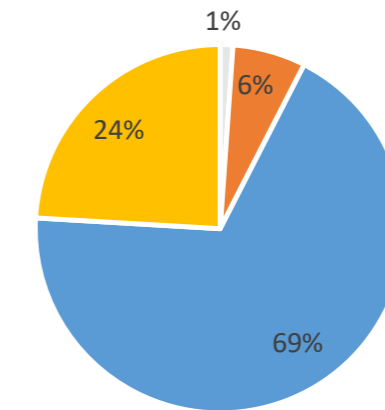
TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Song song với việc sản xuất - kinh doanh của Công ty, được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty, trong những năm qua, đặc biệt trong năm 2016, Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội để chung tay đẩy mạnh phong trào thi đua “Yên Bái chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 – 2020 cụ thể:

Nội dung	Chi phí
Giúp đỡ hộ khó khăn nghèo khó	
Hỗ trợ các gia đình gặp thiên tai, lũ lụt tỉnh Yên Bái	10,000,000
Hỗ trợ các gia đình công nhân gặp khó khăn thuộc HHDN tỉnh Yên Bái	10,000,000
Quà hỗ trợ	
Hỗ trợ nữ công Công ty	18,000,000
Ủng hộ giải thể thao Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Yên Bái	5,000,000
Hỗ trợ hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Yên Bái	10,000,000
Hỗ trợ ĐTN tổ chức trung thu cho các cháu Thiếu nhi	20,000,000
Hỗ trợ Hội đồng y huyện Yên Bình	3,000,000
Hỗ trợ cho các cháu thiếu niên đi thăm quan	24,000,000
Thưởng cho các cháu học sinh giỏi là con em trong Công ty	20,400,000
Hỗ trợ giải bóng đá nhi đồng huyện Yên Bình	10,000,000
Hỗ trợ xã Hán Đà xây dựng Chùa	5,000,000
Sửa chữa trên địa bàn	
Hỗ trợ tu sửa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Đức Tiến 2, xã Yên Bình	134,000,000
Hỗ trợ nhiều đơn vị với ca xe ô tô, máy xúc, xe lu cho các xã và đơn vị phụ cận...	100,000,000
Trường mầm non xã An Phú huyện Lục Yên (*)	1,000,000,000
Tưởng niệm	
Thăm hỏi các gia đình thương binh liệt sĩ đã hy sinh trong quá trình xây dựng thủy điện Thác Bà	4,000,000
Hỗ trợ tu sửa Nghĩa trang Liệt sĩ	430,000,000

Trong năm 2016, Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà đã dành gần 2 tỷ cho các chương trình phát triển cộng đồng. Đặc biệt trong tháng 10/2016 Công ty đã hoàn thành và bàn giao cho Trường mầm non An Phú xã An Phú huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái đưa vào sử dụng 04 phòng học khép kín có tổng diện tích hơn 267.6m² với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ việc dạy và học, cùng với 273m² hệ thống sân và khuôn viên bê tông với tổng giá trị hơn 1 tỷ đồng (công trình được xây dựng từ 5/2016 đến 10/2016). Công ty cũng sử dụng hơn 400 triệu để tu sửa nghĩa trang liệt sĩ, và tưởng nhớ những người đã hy sinh trong công cuộc xây dựng nhà máy thủy điện Thác Bà.

CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN



- Giúp đỡ hộ khó khăn nghèo khó
- Quà hỗ trợ
- Xây dựng các công trình phúc lợi
- Tưởng niệm

Một số hình ảnh hoạt động:



TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Lễ khánh thành trường mầm non xã An Phú huyện Lục Yên



Lễ khánh thành khu khuôn viên và nhà văn hóa thôn Đức Tiến 2



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN CHUNG
2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
4. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
6. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 33



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 11 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Thắng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên	
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Vũ Hoàng Chương	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Phương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên	
Bà Vũ Thị Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Bà Đỗ Thị Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Thắng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Nguyễn Văn Quyền, Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Nguyễn Quang Thắng ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017



Số tham chiếu: 61201381/18490673

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

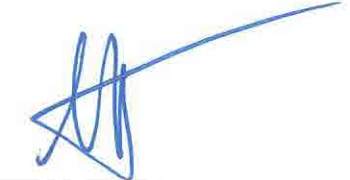
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1


Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		424.076.406.630	397.802.197.708
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	24.229.101.167	53.782.863.176
111	1. Tiền		24.229.101.167	24.151.278.940
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	29.631.584.236
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		353.566.645.773	289.724.592.557
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	353.566.645.773	289.724.592.557
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		39.268.987.868	48.949.067.313
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	28.243.174.142	39.079.068.233
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		278.666.109	1.172.257.976
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	10.997.719.697	9.122.525.684
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(250.572.080)	(424.784.580)
140	IV. Hàng tồn kho	8	5.056.329.439	5.228.868.255
141	1. Hàng tồn kho		5.056.329.439	5.228.868.255
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.955.342.383	116.806.407
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	12	1.310.404.515	116.806.407
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	644.937.868	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		455.717.002.327	474.597.473.676
220	I. Tài sản cố định		421.707.350.408	439.496.454.941
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	403.814.044.458	421.166.315.871
222	Nguyên giá		1.460.386.108.991	1.438.432.502.958
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.056.572.064.533)	(1.017.266.187.087)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	17.893.305.950	18.330.139.070
228	Nguyên giá		20.635.322.400	20.635.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.742.016.450)	(2.305.183.330)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		2.925.645	1.336.098.557
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.925.645	1.336.098.557
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		32.619.000.000	32.619.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.2	32.619.000.000	32.619.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.387.726.274	1.145.920.178
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.387.726.274	1.145.920.178
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		879.793.408.957	872.399.671.384

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		41.614.522.912	29.963.103.097
310	I. Nợ ngắn hạn		41.614.522.912	29.963.103.097
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	9.036.050.757	5.651.080.377
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		841.977.800	1.266.277.800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.015.944.262	7.731.143.249
314	4. Phải trả người lao động		7.955.190.066	7.722.286.949
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	3.052.924.939
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	20.035.916.393	3.020.839.244
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		729.443.634	1.518.550.539
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		838.178.886.045	842.436.568.287
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	838.178.886.045	842.436.568.287
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		-	78.789.742.471
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	70.710.862.106
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		203.178.886.045	57.935.963.710
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		156.508.517.125	6.145.105.888
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		46.670.368.920	51.790.857.822
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		879.793.408.957	872.399.671.384

HS

LS



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

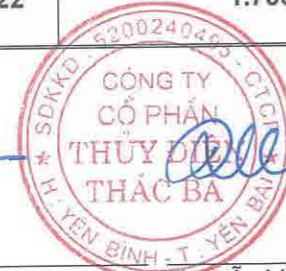
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	241.080.375.864	251.087.216.645
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	241.080.375.864	251.087.216.645
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(99.346.305.118)	(98.784.782.337)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		141.734.070.746	152.302.434.308
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	23.111.244.168	20.021.181.451
22	7. Chi phí tài chính		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(29.048.362.977)	(29.977.269.736)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		135.796.951.937	142.346.346.023
31	11. Thu nhập khác		1.968.567.030	2.367.886.051
32	12. Chi phí khác		(61.238.220)	(396.695.857)
40	13. Lợi nhuận khác		1.907.328.810	1.971.190.194
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		137.704.280.747	144.317.536.217
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(27.533.795.440)	(29.026.678.395)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		110.170.485.307	115.290.857.822
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	1.735	1.737
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	1.735	1.737

AS

[Signature]



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		137.704.280.747	144.317.536.217
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9,10	43.258.069.506	43.818.204.492
03	Hoàn nhập dự phòng		(174.212.500)	(261.363.949)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(344.999)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(23.111.244.168)	(22.520.834.999)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		157.676.893.585	165.353.196.762
09	Giảm các khoản phải thu		10.220.375.981	58.197.074.106
10	Giảm hàng tồn kho		172.538.816	1.481.457.294
11	Giảm các khoản phải trả		(3.726.049.822)	(9.513.844.420)
12	Tăng chi phí trả trước		(241.806.096)	(1.145.920.178)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20.2	(31.248.294.189)	(30.186.076.835)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		726.177.916	330.648.278
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(7.373.056.382)	(5.299.124.784)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		126.206.779.809	179.217.410.223
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(19.805.836.364)	(43.736.446.978)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		2.075.000.000	2.500.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(350.940.211.543)	(265.291.656.212)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		287.098.158.327	88.160.417.705
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.719.520.132	17.042.237.230
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(60.853.369.448)	(201.325.448.255)

11.1.2017 - 1/8/17



11.1.2017 - 1/8/17



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(94.907.172.370)	(199.263.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(94.907.172.370)	(199.263.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(29.553.762.009)	(221.371.038.032)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		53.782.863.176	275.153.556.209
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	344.999
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	24.229.101.167	53.782.863.176

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 11 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 140 (năm 2015: 140).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTĐTB ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 ngày 3 tháng 9 năm 2015 ký giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

SỞ TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc năm tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTĐTB ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 ngày 3 tháng 9 năm 2015 ký giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	391.233.039	880.772.960
Tiền gửi ngân hàng	23.837.868.128	23.270.505.980
Các khoản tương đương tiền	-	29.631.584.236
TỔNG CỘNG	24.229.101.167	53.782.863.176

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

5.1 Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	353.566.645.773	353.566.645.773	289.724.592.557	289.724.592.557
TỔNG CỘNG	353.566.645.773	353.566.645.773	289.724.592.557	289.724.592.557
<i>Trong đó:</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	295.735.442.729	295.735.442.729	235.218.274.891	235.218.274.891
Tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng là bên liên quan (Thuyết minh số 21)	57.831.203.044	57.831.203.044	54.506.317.666	54.506.317.666

(*) Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,8%/năm đến 7,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	3.000.000	32.619.000.000	3.000.000	32.619.000.000
TỔNG CỘNG	3.000.000	32.619.000.000	3.000.000	32.619.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCoM trong năm 2016 với mức giá giao dịch bình quân trong 5 ngày cuối tháng 12 năm 2016 trong khoảng từ 10.300 VND đến 11.517 VND/cổ phiếu.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	5.018.142.985	4.149.995.114
- Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Thi nghiệm điện	2.171.291.463	3.255.711.427
- Các công ty khác	2.846.851.522	894.283.687
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	23.225.031.157	34.929.073.119
TỔNG CỘNG	28.243.174.142	39.079.068.233
Dự phòng phải thu khó đòi	(250.572.080)	(424.784.580)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền lãi	8.314.811.398	5.923.087.362
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của cán bộ công nhân viên của Công ty	507.751.881	1.204.575.085
Tạm ứng cho nhân viên	281.416.370	1.044.832.651
Phải thu khác	1.893.740.048	950.030.586
TỔNG CỘNG	10.997.719.697	9.122.525.684

8. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.734.865.572	-	4.869.492.406	-
Công cụ, dụng cụ	321.463.867	-	359.375.849	-
TỔNG CỘNG	5.056.329.439	-	5.228.868.255	-

B09-DN

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Đơn vị tính: VND	
	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	117.454.545	1.438.432.502.958
- Mua trong năm	-	725.109.091
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	19.240.057.840
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.339.879.694)
- Tặng khác (*)	-	8.328.318.796
Số dư cuối năm	117.454.545	1.460.386.108.991
Trong đó:		
Đã khấu hao hết	-	326.838.905.358
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Số dư đầu năm	43.165.743	1.017.266.187.087
- Khấu hao trong năm	11.745.442	42.821.236.386
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.339.879.694)
- Tặng khác (*)	-	2.824.520.754
Số dư cuối năm	54.911.185	1.056.572.064.533
Giá trị còn lại:		
Số dư đầu năm	74.288.802	421.166.315.871
Số dư cuối năm	62.543.360	403.814.044.458

(*) Công ty điều chỉnh tăng nguyên giá tài sản cố định và khấu hao lũy kế theo kết luận thanh tra số 05/L-TTr ngày 11 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Yên Bái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm và cuối năm	20.558.322.400	77.000.000	20.635.322.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	2.282.495.830	22.687.500	2.305.183.330
Hao mòn trong năm	411.166.450	25.666.670	436.833.120
Số dư cuối năm	2.693.662.280	48.354.170	2.742.016.450
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	18.275.826.570	54.312.500	18.330.139.070
Số dư cuối năm	17.864.660.120	28.645.830	17.893.305.950

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
- Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	4.122.600.000	4.122.600.000	4.122.600.000	4.122.600.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện II	-	-	556.799.291	556.799.291
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	938.524.834	938.524.834	971.681.086	971.681.086
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	3.974.925.923	3.974.925.923	-	-
TỔNG CỘNG	9.036.050.757	9.036.050.757	5.651.080.377	5.651.080.377

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/cán trừ trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	23.522.968.766	23.503.171.012	19.797.754
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 20.2)	5.950.781.908	27.533.795.440	31.248.294.189	2.236.283.159
Thuế thu nhập cá nhân	227.587.162	2.305.139.514	2.532.726.676	-
Thuế tài nguyên	1.552.774.179	21.527.744.120	22.320.654.950	759.863.349
TỔNG CỘNG	7.731.143.249	74.889.647.840	79.604.846.827	3.015.944.262

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	116.806.407	3.207.099.122	2.013.501.014	1.310.404.515
Thuế thu nhập cá nhân	-	644.937.868	-	644.937.868
TỔNG CỘNG	116.806.407	3.852.036.990	2.013.501.014	1.955.342.383

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	19.224.963.690	176.619.500
Phí môi trường rừng	503.234.160	1.404.828.400
Chi phí ủng hộ xây dựng Trường THCS Yên Bình	-	1.000.000.000
Khác	307.718.543	439.391.344
TỔNG CỘNG	20.035.916.393	3.020.839.244

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	635.000.000.000	42.155.876.721	107.344.727.856	138.636.534.501	923.137.139.078
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	115.290.857.822	115.290.857.822
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích quỹ thường Ban điều hành	-	-	-	(172.483.321)	(172.483.321)
Cổ tức công bố	-	-	-	(190.500.000.000)	(190.500.000.000)
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	-	-	(318.945.292)	(318.945.292)
Điều chuyển quỹ sang Vốn khác của chủ sở hữu	-	36.633.865.750	(36.633.865.750)	-	-
Số cuối năm	635.000.000.000	78.789.742.471	70.710.862.106	57.935.963.710	842.436.568.287
Năm nay					
Số đầu năm	635.000.000.000	78.789.742.471	70.710.862.106	57.935.963.710	842.436.568.287
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	110.170.485.307	110.170.485.307
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích quỹ thường Ban điều hành (**)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(114.300.000.000)	(114.300.000.000)
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách (*)	-	-	-	(305.592.000)	(305.592.000)
Điều chuyển sang Lợi nhuận chưa phân phối (**)	-	(78.789.742.471)	(70.710.862.106)	149.500.604.577	-
Điều chỉnh theo kết luận thanh tra của UBND tỉnh Yên Bái	-	-	-	5.677.424.451	5.677.424.451
Số cuối năm	635.000.000.000	-	-	203.178.886.045	838.178.886.045

(*) Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức và trích thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 được thực hiện theo Nghị quyết số 651/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ("Nghị quyết số 651").

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(**) Việc điều chuyển các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu về lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ được thực hiện theo Nghị quyết số 651 và Nghị quyết số 1072/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Quản trị.

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-
TỔNG CỘNG	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 10.000 VND).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Cổ đông	Đơn vị tính: VND	
	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (công ty mẹ)	381.651.680.000	60,10%
Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Phát điện 3	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	62.848.320.000	9,90%
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	100%

14.3 Cổ tức

Cổ tức đã công bố trong năm

Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông

Tạm ứng cổ tức cho năm 2016: 1.000

VND/cổ phiếu 63.500.000.000

Cổ tức cho năm 2015: 800 VND/cổ phiếu 50.800.000.000

Tạm ứng cổ tức cho năm 2015: 1.000

VND/cổ phiếu - 63.500.000.000

Cổ tức cho năm 2014: VND 2.000/cổ phiếu - 127.000.000.000

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Năm nay Năm trước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

15. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	394	388
- Đô la Singapore (SGD)	4.840	4.840

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	241.080.375.864	251.087.216.645
Trong đó		
Doanh thu bán điện	232.524.648.229	243.578.663.277
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.555.727.635	7.508.553.368
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	241.080.375.864	251.087.216.645
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	8.555.727.635	7.508.553.368
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 21)	232.524.648.229	243.578.663.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. DOANH THU (tiếp theo)

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.011.244.168	18.220.834.999
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.100.000.000	1.800.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	346.452
TỔNG CỘNG	23.111.244.168	20.021.181.451

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động bán điện	96.643.221.330	97.294.266.237
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.703.083.788	1.490.516.100
TỔNG CỘNG	99.346.305.118	98.784.782.337

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	11.881.399.649	11.484.244.138
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.452.436.481	1.050.418.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.837.059.077	6.988.194.000
Chi phí khác	9.877.467.770	10.454.413.348
TỔNG CỘNG	29.048.362.977	29.977.269.736

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.090.973.627	4.120.520.351
Chi phí nhân công	31.615.157.948	28.931.505.454
Chi phí khấu hao và hao mòn	43.258.069.506	43.818.204.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.630.254.052	7.859.317.239
Chi phí khác	41.800.212.962	44.032.504.537
TỔNG CỘNG	128.394.668.095	128.762.052.073

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế TNDN là 20% được áp dụng từ năm 2016.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.131.307.149	29.026.678.395
Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước	402.488.291	-
TỔNG CỘNG	27.533.795.440	29.026.678.395

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	137.704.280.747	144.317.536.217
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	52.254.999	101.295.548
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện năm nay	344.999	-
Chi phí không được khấu trừ khác	51.910.000	101.295.548
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>	(2.100.000.000)	(1.800.344.999)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.100.000.000)	(1.800.000.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(344.999)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	135.656.535.746	142.618.486.766
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	27.131.307.149	29.026.678.395
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.950.781.908	7.110.180.348
Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước	402.488.291	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(31.248.294.189)	(30.186.076.835)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	2.236.283.159	5.950.781.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	232.524.648.229	243.578.663.277
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	58.320.338.400	97.200.564.000
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	15.240.000.000	65.913.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền lãi cho vay	3.741.270.040	3.359.759.521
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	Bên liên quan với cổ đông lớn	Mua hàng	4.122.600.000	29.267.910.891

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: không trích lập). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư tài chính ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	57.831.203.044	54.506.317.666
			57.831.203.044	54.506.317.666
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	23.225.031.157	34.929.073.119
			23.225.031.157	34.929.073.119
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải trả tiền điện đầu vào	3.974.925.923	-
			3.974.925.923	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	2.245.993.303	2.126.633.293
TỔNG CỘNG	2.245.993.303	2.126.633.293

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	110.170.485.307	115.290.857.822
Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm	-	(5.000.000.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	110.170.485.307	110.290.857.822
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.735	1.737
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.735	1.737

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 4 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2016 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 90% tổng doanh thu và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không thực hiện lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng các biện pháp kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty không có rủi ro về ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng và định chế tài chính được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4 và 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Đơn vị tính: VND

Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
		< 90 ngày	91-180 ngày	91-180 ngày	> 210 ngày
Số cuối năm	38.708.905.389	36.537.613.925	-	-	2.171.291.464
Số đầu năm	47.776.809.337	47.177.812.257	-	-	598.997.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

Bắt kỳ thời điểm nào

Số cuối năm	
Phải trả người bán	9.036.050.757
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	20.035.916.393
	29.071.967.150

Số đầu năm	
Phải trả người bán	5.651.080.377
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	6.073.764.183
	11.724.844.560

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính								
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.229.101.167	-	53.782.863.176	-	24.229.101.167	53.782.863.176		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	353.566.645.773	-	289.724.592.557	-	353.566.645.773	289.724.592.557		
Phải thu khách hàng	28.243.174.142	250.572.080	39.079.068.233	424.784.580	28.243.174.142	38.654.283.653		
Phải thu khác	10.716.303.327	-	8.077.693.033	-	10.716.303.327	8.077.693.033		
Đầu tư tài chính dài hạn	32.619.000.000	-	32.619.000.000	-	34.500.000.000	32.619.000.000		
TỔNG CỘNG	449.374.224.409	250.572.080	423.283.216.999	424.784.580	451.255.224.409	422.858.432.419		
Nợ phải trả tài chính								
Phải trả người bán			9.036.050.757	5.651.080.377	9.036.050.757	5.651.080.377		
Phải trả khác			20.035.916.393	6.073.764.183	20.035.916.393	6.073.764.183		
TỔNG CỘNG			29.071.967.150	11.724.844.560	29.071.967.150	11.724.844.560		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch;
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các công cụ này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

